

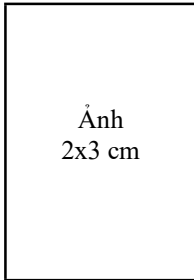


**Phụ lục I**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**PHỤ LỤC 1**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC  
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: .....

Tôi là: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đề nghị cho tôi được dự học lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

....., ngày ..... tháng .... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Phụ lục II**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**PHỤ LỤC 2**

**MẪU BÁO CÁO MỞ LỚP BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ  
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /BC

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO MỞ LỚP BỒI DƯỠNG  
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

Thực hiện Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 7 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, Trường (hoặc Trung tâm) ..... báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ như sau:

<b>TT</b>	<b>Khóa, lớp</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Địa điểm học</b>	<b>Ngày khai giảng</b>	<b>Ngày kiểm tra</b>

Xin gửi kèm theo báo cáo này danh sách trích ngang học viên dự học.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

(Ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG HỌC VIÊN DỰ HỌC**  
(Gửi kèm theo Báo cáo số: ..... ngày .... tháng ..... năm 20 .....)

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày, tháng, năm sinh</b>	<b>Số CCCD hoặc giấy CMND hoặc hộ chiếu</b>	<b>Số bằng, chứng chỉ chuyên môn (nếu có) ngày, tháng, năm/nơi cấp</b>

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

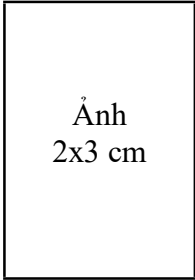


**Phụ lục III**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**PHỤ LỤC 8**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**



Ảnh  
2x3 cm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ  
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG  
ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: .....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:.....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do ..... cấp

Số Chứng chỉ: ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Lý do xin đổi, cấp lại: .....

Đề nghị ..... đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ..... tháng .... năm 20 .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)



## Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục 1

## CẤU TRÚC DỮ LIỆU TRUYỀN VỀ MÁY CHỦ CỦA CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Biển kiểm soát	Thời gian	Tốc độ (km/h)	Vị trí (Tọa độ)	Số giấy phép lái xe
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

### Mô tả các trường dữ liệu:

(1) Biển kiểm soát: Viết liền, không phân biệt chữ hoa, chữ thường, không ký tự đặc biệt. Ví dụ 29A12345

(2) Thời gian: Unix-time theo múi giờ Việt Nam ([http://en.wikipedia.org/wiki/Unix\\_time](http://en.wikipedia.org/wiki/Unix_time))

(3) Số Giấy phép lái xe: Viết liền, không phân biệt chữ hoa, chữ thường, không ký tự đặc biệt.

(4) Tốc độ: đơn vị km/h.

(5) Vị trí (Tọa độ): Decimal Degree, WGS84



## Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

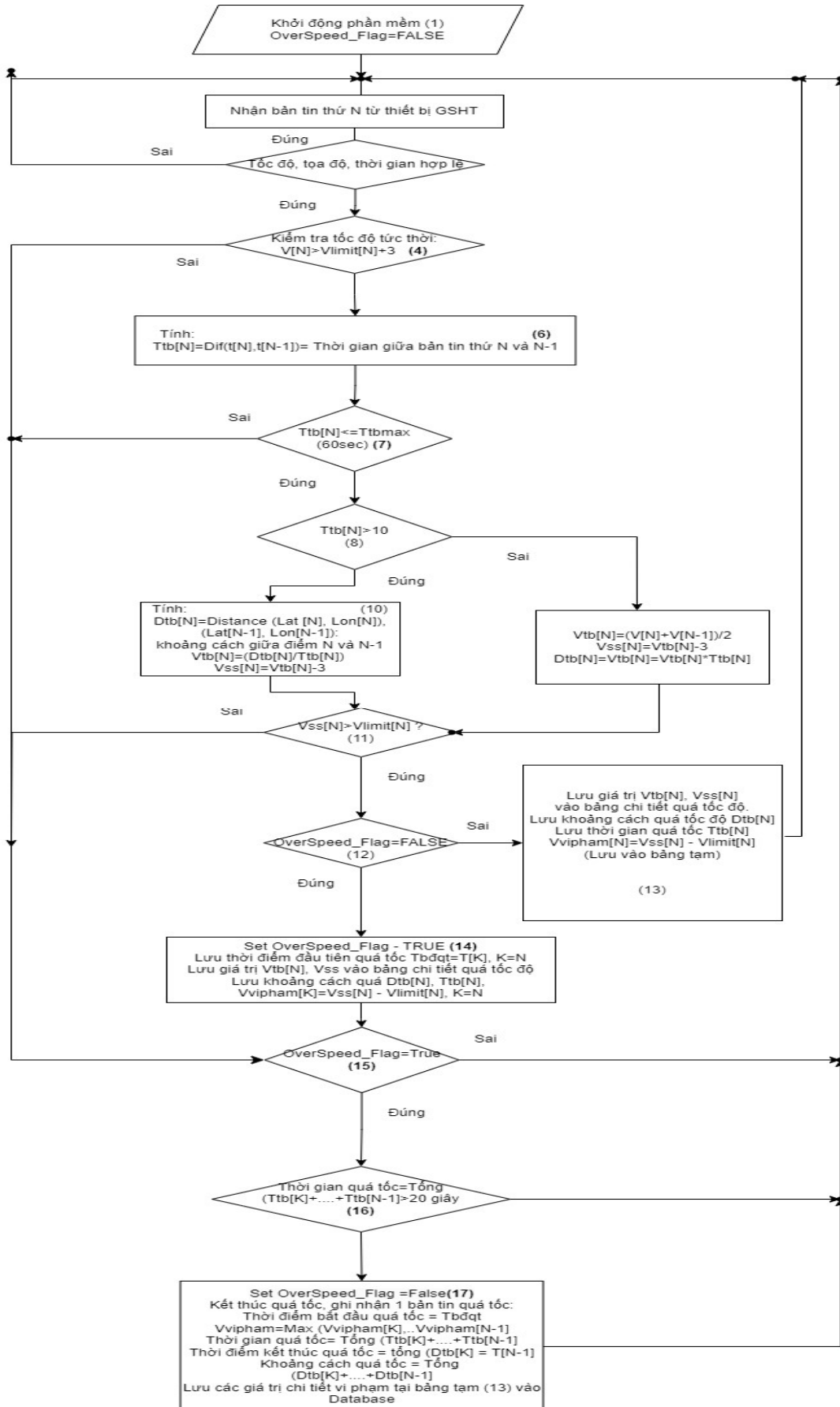
## Phụ lục 2

### GIẢI THUẬT TÍNH TOÁN QUÁ TỐC ĐỘ

#### I. Thuật ngữ viết tắt:

- **N**: Là thứ tự bản tin từ thiết bị giám sát hành trình.
- $V_{[N]}$ : Tốc độ tức thời (km/h).
- $V_{\text{limit}[N]}$ : Tốc độ tối đa cho phép (km/h).
- $V_{\text{tb}[N]}$ : Tốc độ trung bình (km/h).
- $V_{\text{ss}[N]}$ : Tốc độ để so sánh với  $V_{\text{limit}[N]}$  xác định phương tiện vi phạm (km/h).
- $V_{\text{vi phạm}[N]}$ : Tốc độ vi phạm (km/h).
- $T_{\text{tb}[N]}$ : Thời gian giữa bản tin thứ N và N-1 (giây).
- $D_{\text{tb}[N]}$ : Khoảng cách giữa bản tin thứ N và N-1 (km).

## II. Lưu đồ tính toán



### III. Mô tả lưu đồ tính toán

Sau khi thực hiện lọc các bản tin không hợp lệ được mô tả tại Phụ lục VI của Thông tư này thì thực hiện tính toán quá tốc độ.

a) Tính khoảng thời gian so với bản tin trước ( $T_{tb[N]}$ ), tùy thuộc vào khoảng thời gian này sẽ có những tính toán tốc độ trung bình, quãng đường như sau:

-  $T_{tb[N]} > 60$  giây: Không tính toán quá tốc độ và sẽ thống kê vi phạm truyền dữ liệu.

-  $10$  giây  $< T_{tb[N]} \leq 60$  giây: Tính quãng đường dựa vào tọa độ 2 bản tin liên tiếp. Tính tốc độ =  $\min(((D_{tb[N]} / T_{tb[N]}) * 3600); (D_{tb[N]} / T_{tb[N]}) * 3600)$ ;

-  $T_{tb[N]} \leq 10$  giây: Tính quãng đường =  $V_{tb[N]} * T_{tb[N]}$ . Tính tốc độ:  $V_{tb[N]} = (V_{[N]} + V_{[N-1]}) / 2$ .

b) Tính tốc độ so sánh ( $V_{ss[N]}$ ):  $V_{ss[N]} = V_{tb[N]} - 3$

Sai số về tốc độ đang áp dụng trên hệ thống cho toàn bộ các thiết bị là -3 km/h.

c) Tính tốc độ vi phạm

- Thời gian bắt đầu tính vi phạm tốc độ tại thời điểm  $V_{ss[N]} > V_{limit[N]}$  đến thời điểm kết thúc vi phạm  $V_{ss[N]} \leq V_{limit[N]}$  (đơn vị tính theo giây). Nếu  $V_{ss[N]} > V_{limit[N]}$  được duy trì liên tục trong khoảng thời gian từ 20 giây trở lên thì được ghi nhận là phương tiện vi phạm tốc độ xe chạy.

-  $V_{vipham[N]} = V_{ss[N]} - V_{limit[N]}$

Sử dụng tốc độ vi phạm cao nhất và tốc độ tối đa cho phép tương ứng để xác định mức độ vi phạm theo khoảng (dưới 5 km/h, từ 5km/h đến dưới 10 km/h, từ 10 km/h đến 20 km/h, trên 20 km/h đến 35 km/h, trên 35 km/h).

#### Lưu ý:

- Tốc độ hiển thị trên bản đồ số theo dõi trực tuyến và tại bảng thống kê chi tiết hành trình là tốc độ tức thời ( $V_{[N]}$ ) (lấy thông tin theo từng bản tin truyền).

-  $V_{[N]} > 200$  km/h.  $\rightarrow$  bỏ bản tin. Nếu bản tin sau bản tin  $V_{[N]} > 200$  km/h so với bản tin trước  $V_{[N]} > 200$  km/h, thời gian  $> 60$  giây thì dừng tính toán vi phạm tốc độ. Còn nếu thời gian  $< 60$  giây thì vẫn tính  $V_{ss}$ .

-  $V_{[N]} = 0$  km/h  $\rightarrow$  vẫn tính  $V_{ss}$  như bình thường.





## Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục 3

## XỬ LÝ LỘC NHIỀU CÁC BẢN TIN TRƯỚC KHI TÍNH TOÁN

Máy chủ của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ và máy chủ của Cục Đường bộ Việt Nam sẽ thực hiện xử lý lọc nhiễu, loại bỏ đối với các bản tin nhận được trước khi đưa vào tính toán gồm:

#### 1. Bản tin có thời gian không hợp lệ

- Thời gian gửi về tương lai
- Thời gian bản tin sau nhỏ hơn thời gian bản tin trước

#### 2. Bản tin có tọa độ không hợp lệ

- Kinh độ hoặc vĩ độ = 0
- Kinh độ, vĩ độ nhảy ra xa trong khoảng thời gian ngắn (Quãng đường/ thời gian  $\geq 200$  km/h).
- Tọa độ nằm ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam, tọa độ không nằm trên mặt đất.

#### 3. Bản tin có tốc độ không hợp lệ

- Tốc độ tức thì trên bản tin gửi về  $\geq 200$  km/h.
- Tốc độ tại các bản tin liên tiếp là một số cố định
- Tốc độ  $< 0$  km/h.

Trường hợp các đơn vị sử dụng trạng thái bật máy hoặc tắt máy để tính toán xe di chuyển cần chú ý trường hợp xe tắt máy nhưng vẫn gửi về tốc độ  $> 3$  km/h.

#### 4. Các trường hợp xử lý ngoại lệ

- Các trường hợp ngoại lệ khác phát sinh trong quá trình xử lý dữ liệu sẽ được cập nhật liên tục theo thời gian. Cục Đường bộ Việt Nam cung cấp phương án xử lý đối với các trường hợp cụ thể trên trang web của Cục và thông báo đến các đơn vị để thực hiện thống nhất phương án xử lý.

- Phương án xử lý đối với một số trường hợp ngoại lệ

Trường hợp ngoại lệ	Phương án xử lý
Trường hợp 1: Đối với xe có gửi kèm trạng thái hoạt động của động cơ (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Động cơ bật: ghi nhận tọa độ bình thường.</li><li>- Động cơ tắt: ghi nhận trạng thái cuối cùng trước khi trạng thái động cơ chuyển từ bật sang tắt.</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị truyền dẫn dữ liệu đảm bảo tính đúng đắn của tín hiệu động cơ xe.</li> </ul>
<p>Trường hợp 2: Nhiều vị trí/tốc độ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong 5 phút (đối với xe taxi, xe buýt nội tỉnh) có phần lớn tốc độ bằng 0 km/h, có một vài bản tin có tốc độ.</li> <li>- Trong 15 phút (đối với các loại xe còn lại) có phần lớn tốc độ bằng 0 km/h, có một vài bản tin có tốc độ.</li> </ul>	<p>Cách 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp nghỉ 5 phút: tổng thời gian có bản tin nhiều không quá 1 phút. Vị trí điểm đầu và điểm cuối của chu kì 5 phút không lệch nhau quá 100m thì không ghi nhận là nhiều tốc độ.</li> <li>- Đối với trường hợp nghỉ 15 phút: Trong 15p này, thời gian các bản tin có tốc độ <math>\leq 5</math> phút. Tọa độ điểm đầu và điểm cuối trong khoảng thời gian 15 phút không lệch nhau quá 100m thì không ghi nhận tốc độ nhiều.</li> </ul> <p>Tính toán trên để loại bỏ nhiều khi xe đứng yên. Điểm đầu và điểm cuối không lệch nhau quá 100m thì vẫn ghi nhận xe đứng yên. Thực hiện ghi nhận xe đã dừng nghỉ đủ theo quy định.</p> <p>Cách 2: (Tham khảo Phụ lục VIII).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi xe đang dừng, có 3 bản tin liên tiếp có tốc độ <math>&gt; 3</math>km/h thì ghi nhận trạng thái là di chuyển.</li> </ul>
Trường hợp 3: Tọa độ ngoài lãnh thổ Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chủ truyền dữ liệu và máy chủ Cục Đường bộ Việt Nam không tính toán đối với dữ liệu này.</li> </ul>
Trường hợp 4: Đồng bộ thời gian	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chủ các đơn vị truyền dẫn thường xuyên đồng bộ thời gian với máy chủ của Cục Đường bộ Việt Nam.</li> <li>- Các bản tin truyền về máy chủ dịch vụ, máy chủ Cục ĐBVN vượt quá 2 phút sẽ ghi nhận vi phạm truyền dẫn dữ liệu.</li> </ul>
Trường hợp 5: Mất tín hiệu GPS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi kinh độ = 0, vĩ độ = 0 khi xe đang di chuyển</li> <li>- Máy chủ dịch vụ, máy chủ Cục ĐBVN không tính toán vi phạm đối với các bản tin mất GPS.</li> <li>- Việc ghi nhận được tọa độ là tính năng quan trọng của thiết bị giám sát hành trình. Việc không có tín hiệu GPS được coi là vi phạm truyền dẫn dữ liệu.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong trường hợp mất tín hiệu trong ngày (chỉ xét từ 00:00 đến 23:59). Dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình truyền về không liên tục do không có dữ liệu hoặc không có tín hiệu GPS.</li> <li>- Đối với các đoạn mất tín hiệu: không thực hiện tính toán quãng đường.</li> </ul>



## Phụ lục VII

(Ban hành kèm Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục 4

## PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN KHÔNG TRUYỀN DỮ LIỆU

### 1. Về tần suất truyền dữ liệu:

Để đảm bảo tính chính xác và dễ dàng tính toán, đề nghị các đơn vị nên truyền dữ liệu với tần suất  $\leq 10s$ /bản tin).

### 2. Truyền dữ liệu trong trường hợp xe bị mất tín hiệu:

a) Ngay khi thiết bị có tín hiệu, đơn vị truyền dữ liệu thực hiện việc truyền dữ liệu hiện tại và dữ liệu quá khứ từ thời điểm bị mất tín hiệu đến thời điểm có tín hiệu theo quy định.

Việc truyền dữ liệu bổ sung sẽ thực hiện trên một kênh truyền riêng, dữ liệu truyền lại hàng tháng phải thực hiện xong trước ngày mùng 4 của tháng sau liền kề. Sau khi có dữ liệu truyền tại các thời điểm bị mất trước đó, hệ thống sẽ thực hiện tính toán lại toàn bộ các thông số.

b) Truyền dữ liệu hiện tại để phục vụ hiển thị vị trí phương tiện đang hoạt động trên màn hình theo dõi trực tuyến.

c) Dữ liệu kể từ thời điểm mất tín hiệu đến thời điểm hiện tại được truyền theo thứ tự về thời gian để phục vụ việc tính toán theo quy định.

### 3. Tính toán chi tiết từng lần vi phạm không truyền dữ liệu

a) Vi phạm không truyền dữ liệu được xác định khi phương tiện có sự dịch chuyển về vị trí so với vị trí được ghi nhận tại thời điểm bắt đầu ngừng truyền dữ liệu và không có dữ liệu trong khoảng thời gian phương tiện di chuyển giữa hai vị trí. Cụ thể  $Ttb[N] > 120s$  và  $Dtb[N] > 500m$ .

b) Hoặc căn cứ vào dữ liệu thu thập thông qua các trạm thu phí trên đường để làm cơ sở đối chiếu với dữ liệu hiện có trên hệ thống.

### 4. Phương tiện không truyền dữ liệu trong ngày

Phương tiện không truyền dữ liệu trong ngày được tính là phương tiện không truyền bản tin nào lên hệ thống  $N=0$ , hoặc có truyền dữ liệu nhưng các thông tin trong bản tin truyền không có giá trị sử dụng (bản tin lỗi).



## Phụ lục VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục 5

#### PHƯƠNG PHÁP TÍNH KM XE CHẠY

##### 1. Phương pháp tính km xe chạy $D_{tb[N]}$ :

Trong đó: KINHDO1, VIDO1 lần lượt là kinh độ và vĩ độ bản tin thứ N-1

KINHDO2, VIDO2 lần lượt là kinh độ và vĩ độ bản tin thứ N

$D_{tb[N]} = \text{khoangcach}(KINHDO1, VIDO1, KINHDO2, VIDO2)$  (km)

Function  $\text{khoangcach}(KINHDO1, VIDO1, KINHDO2, VIDO2)$

```
{double P1X = VIDO1 * (Math.PI / 180);
```

```
double P1Y = KINHDO1 * (Math.PI / 180);
```

```
double P2X = VIDO2 * (Math.PI / 180);
```

```
double P2Y = KINHDO2 * (Math.PI / 180);
```

```
double Kc = 0;
```

```
double Temp = 0;
```

```
Kc = P2X - P1X;
```

```
Temp = Math.Cos(Kc);
```

```
Temp = Temp * Math.Cos(P2Y);
```

```
Temp = Temp * Math.Cos(P1Y);
```

```
Kc = Math.Sin(P1Y);
```

```
Kc = Kc * Math.Sin(P2Y);
```

```
Temp = Temp + Kc;
```

```
Kc = Math.Acos(Temp);
```

```
Kc = Kc * 6376;}
```

##### **Ghi chú:**

Chỉ thực hiện tính toán khoảng cách di chuyển của phương tiện khi tốc độ tức thời  $> 0$  km/h.

## 2. Ví dụ mẫu

Cấu trúc bản tin (thời gian, kinh độ, vĩ độ, tốc độ)

**Ví dụ 1:** Các bản tin liên tiếp của biển số xe 24C04608.

Bản tin 1 (26/05/2017 00:04:51, 104.33167167, 22.14283667 , 20 )

Bản tin 2 (26/05/2017 00:04:56, 104.33180167, 22.14273667,12 )

Bản tin 3 (26/05/2017 00:05:09, 104.33188833, 22.14348, 19 )

Tính khoảng cách

$$\begin{aligned} \text{Dtb}[3] &= \text{khoangcach}(104.33180167, 22.142736, 104.33188833, 22.14348) \\ &= 0.0833 \text{ (km)} \end{aligned}$$

**Ví dụ 2:** Các bản tin liên tiếp của biển số xe 30S4546

Bản tin 1 (26/05/2017 07:39:40, 105.65094, 21.101326, 41 )

Bản tin 2 (26/05/2017 07:39:45, 105.651398, 21.101025, 41 )

Bản tin 3 (26/05/2017 07:40:04, 105.652657, 21.100183, 36 )

Tính khoảng cách

$$\begin{aligned} \text{Dtb}[3] &= \text{khoangcach}(105.651398, 21.101025, 105.652657, 21.100183) = \\ &0.1608 \text{ (km)} \end{aligned}$$



## Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục 6

## PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN THỜI GIAN LÁI XE

### 1. Thời gian lái xe:

a) Thời gian xác định xe bắt đầu di chuyển khi có 2 bản tin liên tiếp có  $V_{[N]} > 3$  km/h.

b) Thời gian kết thúc khi:

- Thời gian dừng, đỗ  $\geq 15$  phút (áp dụng đối với xe tuyến cố định, xe hợp đồng, xe du lịch và xe vận tải hàng hoá, xe buýt liên tỉnh);  $\geq 5$  phút (áp dụng đối với xe buýt nội tỉnh, xe taxi).

- Thiết bị ghi nhận thay đổi lái xe.

### 2. Tính toán vi phạm thời gian lái xe:

a) Vi phạm thời gian lái xe liên tục: được xác định khi có thời gian lái xe của một người vượt quá 4 giờ nhưng không dừng, đỗ xe  $\geq 15$  phút (áp dụng đối với xe tuyến cố định, xe hợp đồng, xe du lịch, xe buýt liên tỉnh và xe vận tải hàng hoá);  $\geq 5$  phút (áp dụng đối với xe buýt nội tỉnh, xe taxi) hoặc không đổi lái xe.

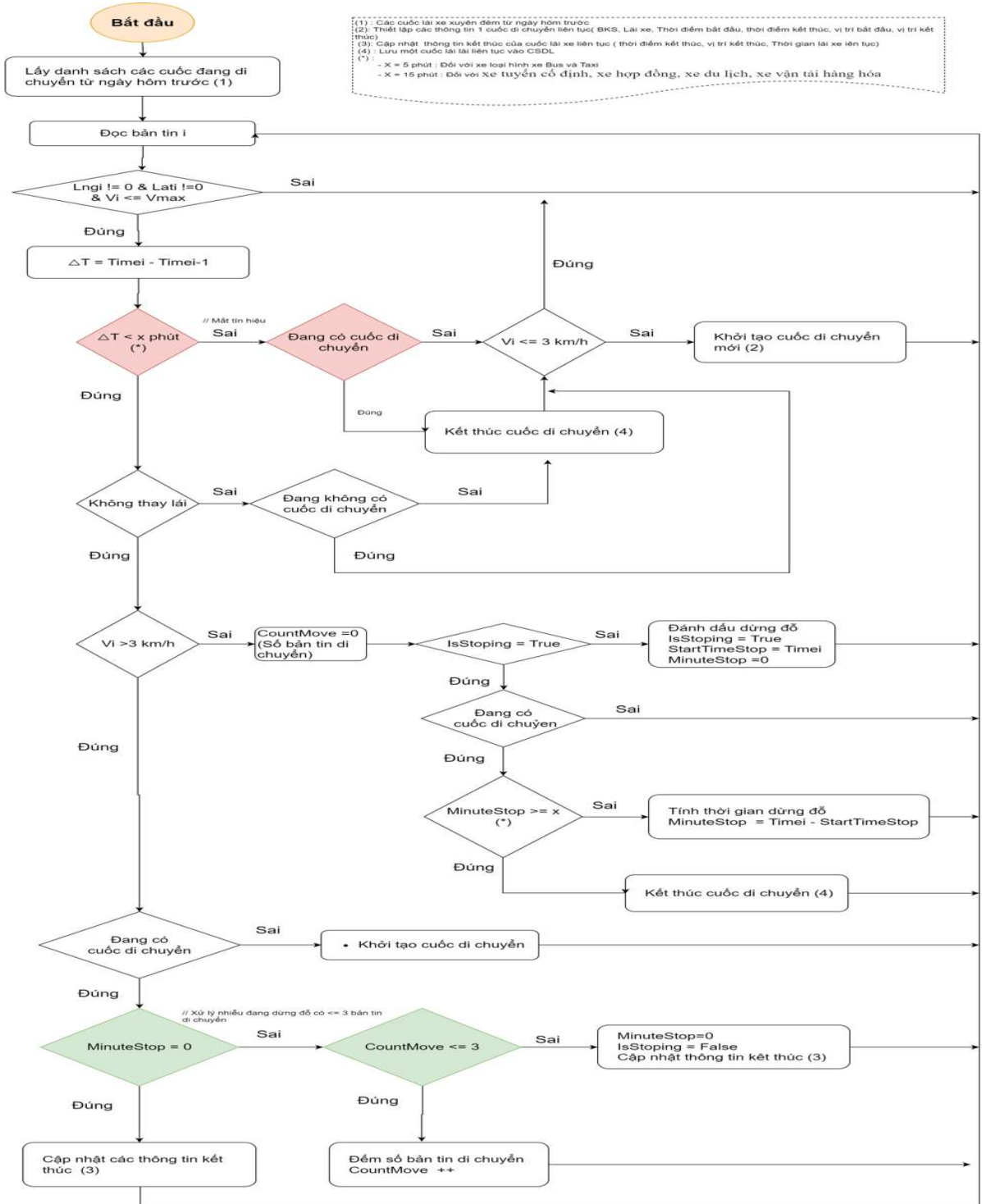
Bổ sung thuật toán: đối với các đơn vị có truyền thông tin bật/tắt động cơ xe là một điều kiện tính toán, trong trường hợp phương tiện vẫn di chuyển nhưng không có dữ liệu thì vẫn tính thời gian lái xe liên tục.

b) Vi phạm thời gian lái xe trong ngày: được xác định khi tổng thời gian lái xe của một người trong ngày vượt quá 10 giờ.

### 3. Thời gian dừng, đỗ:

Được bắt đầu tính khi 2 bản tin liên tiếp có  $V_{[N]} \leq 3$  km/h và  $V_{[N-1]} \leq 3$  km/h và kết thúc khi có 2 bản tin liên tiếp có  $V_{[N]} > 3$  km/h và  $V_{[N-1]} > 3$  km/h.

### 4. Mô tả lưu đồ tính toán như sau:





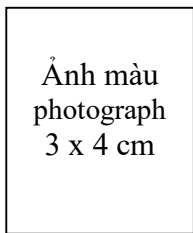
**Phụ lục X**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục IV**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independent – Freedom – Happiness**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ**  
**APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT**



Ảnh màu  
photograph  
3 x 4 cm

Kính gửi (To):.....

Tôi là (Full name): .....

Ngày tháng năm sinh (date of birth) .....

Số hộ chiếu (Passport No.) ..... cấp ngày (Issuing date): ngày (date): .....

tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.): .....

Cơ quan cấp (Issuing Office): .....

Tại (Place of issue): .....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit):

.....

....., date..... month..... year.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and Full name)





**Phụ lục XI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 3a**

**MẪU BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải...

Thực hiện Giấy phép đào tạo lái xe số:..... ngày ..... / ..... /..... do Sở Giao thông vận tải..... cấp, Trường (Trung tâm)..... đã tổ chức xét tuyển học viên và khai giảng các lớp như sau:

TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số lượng học viên		Số lượng giáo viên	Số lượng xe tập lái	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày đăng ký sát hạch	Ghi chú
			Học tập trung	Học từ xa/tự học có hướng dẫn						
I	Hệ đào tạo mới									
1										
...										
II	Hệ đào tạo nâng hạng									
1										
...										

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Tài khoản và mật khẩu quản lý lớp học từ xa/tự học có hướng dẫn:....

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Sở Giao thông vận tải..... chấp nhận kế hoạch sát hạch cho học viên các lớp như lịch đề nghị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục XII**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 4**  
**MẪU KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

Khóa:..... Hạng:.....  
 Thời gian đào tạo: ..... tháng (từ ngày ..... /...../ .....đến ngày ..... /..... / .....

**I. Phân phối giờ học**

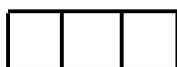
STT	Môn học	Tổng số (giờ)	Lý thuyết (giờ)		Thực hành trong hình (giờ)	Thực hành trên đường (giờ)	Kiểm tra hết Môn (giờ)	Ghi chú
			LT	TH				

**II. Lịch học toàn khóa**

Phân giai đoạn	Tháng	10				11				12				....				
		Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	...
	Từ ngày đến																	
Lý thuyết																		
Thực hành trong hình																		
Thực hành trên đường																		
Kiểm tra																		
Dự phòng																		



Lý thuyết



Thực hành



Kiểm tra



Nghỉ



Dự phòng



### Phụ lục XIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục 7

### MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Ảnh màu  
3 cm x 4 cm  
chụp không  
quá 06  
tháng

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....

do:..... cấp ngày: ..... /..... / .....

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng: .....

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có  không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)



**Phụ lục XIV**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 8**

**MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI**

**THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số: ....., hạng .....

do: ..... cấp ngày: .... /..... / .....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ..... năm lái xe và có .....km lái xe an toàn.

Đề nghị ..... cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng .....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**NGƯỜI KHAI**

(Ký và ghi rõ họ, tên)



**Phụ lục XV**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 15a**

**MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE**

Ảnh chân dung  
3 cm x 4 cm  
(chụp không  
quá  
06 tháng)

Họ và tên thí sinh:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân:.....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Thi lấy giấy phép lái xe hạng:.....

Học lái xe tại cơ sở đào tạo .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

**I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

**II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH**

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

**III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH**

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

**IV. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG**

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

**Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch**

Hạng..... Đạt  Không đạt

**TỔ TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

..... ngày..... tháng..... năm 20....

**TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục XVI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 15b**

**MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE**

Ảnh màu  
3 cm x 4 cm  
(chụp không  
quá 06 tháng)

Họ và tên thí sinh:.....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:.....  
hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....  
Thi lấy giấy phép lái xe.....hạng:.....  
Học lái xe tại cơ sở đào tạo .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

**A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

Lần thứ 1: Ngày..... tháng..... năm.....

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

**B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE**

Lần thứ 1: Ngày..... tháng ..... năm.....

Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Ngày sát hạch:	Thí sinh ký tên		

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 .....  
Hạng .....Đạt  Không đạt

**TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN QUẢN LÝ SÁT HẠCH**  
(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục XVII**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phụ lục 19**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân: .....  
hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....  
Đã học lái xe tại:..... năm.....  
Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....  
do:..... cấp ngày...../...../.....  
Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....  
Lý do:.....  
Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có  không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*



**Phụ lục XVIII**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phụ lục 20**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence- Freedom – Happiness**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ  
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE**

**(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)**

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...

(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Ngày tháng năm sinh (date of birth) .....

Số hộ chiếu (Passport No.) .....cấp ngày (Issuing date): ngày (date): .....

tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driver's Licence No.):.....

Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số định danh cá nhân (In case there is no personal identification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date) ..... tháng (month) ..... năm (year).....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*(Signature and Full name)*





## Phụ lục XIX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục 29

## TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT, CHUYÊN MÔN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE CÁC HẠNG A1, A2, A3 VÀ A4

#### 1. Hệ thống phòng học chuyên môn:

a) Phòng học Pháp luật giao thông đường bộ: có thiết bị nghe nhìn (màn hình, máy chiếu), tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình;

b) Phòng học Cấu tạo và sửa chữa thông thường các hạng A3, A4: có hình hoặc tranh vẽ sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống phanh, hệ thống lái;

c) Phòng học Kỹ thuật lái xe: có hình hoặc tranh vẽ mô tả các thao tác lái xe cơ bản;

d) Phòng học Nghiệp vụ vận tải các hạng A3, A4: có hệ thống bảng, biểu về vận tải hàng hoá, hành khách; có các tranh vẽ ký hiệu trên kiện hàng;

đ) Phòng học thực tập bảo dưỡng sửa chữa các hạng A3, A4: có hệ thống thông gió và chiếu sáng bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động; nền nhà không gây bụi; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để bảo dưỡng sửa chữa; có bàn tháo lắp, bảng, bàn ghế cho giảng dạy, thực tập.

#### 2. Xe tập lái: thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe.

3. Sân tập lái: thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; diện tích tối thiểu 1000m<sup>2</sup>, bố trí đủ kích thước các hình tập lái phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

#### 4. Giáo viên dạy lái xe

a) Tiêu chuẩn chung: có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt; có đủ sức khỏe theo quy định; có chứng chỉ sư phạm dạy nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

b) Giáo viên dạy lý thuyết: có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên; giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng hạng xe đào tạo trở lên;

c) Giáo viên dạy thực hành lái xe: có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên; có giấy phép lái xe hạng tương ứng, có thời hạn từ 03 năm trở lên kể từ ngày cấp giấy phép lái xe; phải được cơ sở đào tạo lái xe qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình quy định tại Phụ lục 28 ban hành kèm theo Thông tư này.



## Phụ lục XX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

## Phụ lục 30

### YÊU CẦU VỀ TRUYỀN DỮ LIỆU QUẢN LÝ DAT

#### I. Yêu cầu truyền dữ liệu DAT

1. Dữ liệu quản lý DAT được truyền về hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam gồm dữ liệu định danh và dữ liệu phiên học.

a) Dữ liệu định danh gồm các thông tin:

- Thông tin được trích xuất thông qua việc tiếp nhận báo cáo 1:

+ Thông tin cơ sở đào tạo: Mã cơ sở đào tạo.

+ Thông tin khóa học: Mã khóa học, ngày khai giảng, ngày bế giảng, hạng đào tạo, mã báo cáo 1.

+ Thông tin học viên: Mã học viên, họ và tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, giới tính, ảnh chân dung).

- Thông tin do cơ sở đào tạo nhập liệu:

+ Thông tin giáo viên dạy thực hành lái xe: Mã giáo viên, họ và tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, giới tính, ảnh chân dung, số giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, hạng tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.

+ Thông tin xe tập lái: Biển số xe tập lái, số giấy phép xe tập lái, loại phương tiện, nhãn hiệu xe, màu sơn, hạng xe tập lái, thời hạn giấy phép xe tập lái.

+ Thông tin thiết bị DAT: Mã đơn vị cung cấp, model, số serial, số imei.

b) Dữ liệu phiên học gồm các thông tin:

- Thông tin học viên: Mã học viên.

- Thông tin đăng nhập: Ảnh chụp, thời điểm và tọa độ đăng nhập.

- Thông tin đăng xuất: Ảnh chụp, thời điểm và tọa độ đăng xuất.

- Thông tin hành trình xe chạy: Thời điểm, tọa độ, tốc độ mỗi 30 giây trong phiên học.

- Thông tin kết quả xác thực: Ảnh chụp và kết quả xác thực mỗi 5 phút trong phiên học.

- Thông tin giáo viên: Mã giáo viên.

- Thông tin xe tập lái: Biển số xe tập lái.

- Thông tin thiết bị DAT: Số imei, số serial.

- Thông tin kết quả phiên học: Thời gian, quãng đường của phiên học.

2. Dữ liệu quản lý DAT phải đầy đủ các thông tin theo cấu trúc phù hợp với cấu trúc truyền dữ liệu do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành và các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu truyền đến hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam phải đảm bảo chính xác, toàn vẹn và trong khoảng thời gian không quá 02 phút kể từ thời điểm máy chủ của cơ sở đào tạo nhận được thông tin kết thúc phiên học;

b) Dữ liệu được truyền đến hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam theo trình tự thời gian. Trường hợp dữ liệu phiên học không tự động truyền được thì cơ sở đào tạo thực hiện truyền lại và báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét tiếp nhận bổ sung.

3. Máy chủ của cơ sở đào tạo và Cục Đường bộ Việt Nam tham gia việc truyền, nhận dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT phải được đồng bộ với thời gian chuẩn Quốc gia theo chuẩn NTP.

## **II. Cách xác định phiên học thực hành lái xe**

1. Thời gian của phiên học thực hành lái xe được xác định từ thời điểm học viên đăng nhập vào thiết bị DAT đến thời điểm đăng xuất khỏi thiết bị. Mỗi phiên học có thời gian tối thiểu 5 phút và không quá 4 giờ, khoảng cách giữa 2 phiên học liên tiếp tối thiểu 15 phút. Tổng thời gian các phiên học trong ngày không quá 10 giờ.

2. Quãng đường của phiên học thực hành lái xe là chiều dài hành trình di chuyển của xe tập lái được xác định từ vị trí học viên đăng nhập vào thiết bị DAT đến vị trí đăng xuất khỏi thiết bị.

3. Phiên học không được ghi nhận khi không đáp ứng một trong các quy định sau:

a) Quy định về dữ liệu phiên học tại điểm b mục 1 phần I của Phụ lục này;

b) Quy định thời gian truyền dữ liệu tại điểm a mục 2 phần II của Phụ lục này. (Trường hợp quá 02 phút, cơ sở đào tạo báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét, tiếp nhận);

c) Quy định thời gian tối đa mỗi phiên học và tổng thời gian các phiên học trong ngày. (Đối với trường hợp tổng thời gian các phiên học trong ngày quá 10 giờ thì các phiên học gây quá tổng thời gian sẽ không được ghi nhận);

d) Tỷ lệ số lần xác thực khuôn mặt đạt (phù hợp với thông tin đăng ký) trên tổng số lần xác thực trong phiên đạt dưới 75%. (Trường hợp phát hiện thiết bị xác thực không chính xác, cơ sở đào tạo báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét, tiếp nhận).

4. Dữ liệu được truyền đến hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam theo trình tự thời gian. Trường hợp dữ liệu phiên học không tự động truyền

được thì cơ sở đào tạo thực hiện truyền lại và báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét tiếp nhận bổ sung.

5. Máy chủ của cơ sở đào tạo và Cục Đường bộ Việt Nam tham gia việc truyền, nhận dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT phải được đồng bộ với thời gian chuẩn Quốc gia theo chuẩn NTP.

### **III. Cách xác định hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe**

1. Học viên được coi là hoàn thành thời gian học thực hành lái xe trên đường nếu số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông không ít hơn 50% số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông được quy định tại khoản 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 của Thông tư này.

2. Học viên được coi là hoàn thành quãng đường học thực hành lái xe trên đường nếu đạt số km học thực hành lái xe trên đường giao thông được quy định tại khoản 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 của Thông tư này.



## Phụ lục XXI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục số 31

## CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE

### A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A2

#### I. Mục đích, yêu cầu

##### 1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng cho chương trình đào tạo lái xe các hạng A1, A2 nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại xe mô tô khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau;

b) Thông qua chương trình học sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

##### 2. Yêu cầu

a) Cung cấp cho người học Hiểu và nắm vững luật lệ giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam;

b) Người học Biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

#### II. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Pháp luật giao thông đường bộ
	Những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ
	Ý thức chấp hành và xử lý tình huống giao thông đường bộ
	Phòng chống tác hại rượu, bia khi tham gia giao thông
	Thực hành cấp cứu tai nạn giao thông
	Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ
2	Kỹ thuật lái xe
	Vị trí, tác dụng các bộ phận chủ yếu của xe mô tô
	Kỹ thuật lái xe cơ bản
	Nội dung đào tạo cho người khuyết tật
	Tập lái xe trong sân tập
	Tập phanh gấp
	Tập lái vòng cua

## B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE CÁC HẠNG A3 VÀ A4

### I. Mục đích, yêu cầu

#### 1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng cho chương trình đào tạo lái xe các hạng A3, A4 nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ, một số cấu tạo, sửa chữa thông thường, phân loại hàng hóa, kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại xe hạng A3, A4 khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau;

b) Thông qua chương trình học sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

#### 2. Yêu cầu

a) Cung cấp cho người học Hiểu và nắm vững luật lệ giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam, một số cấu tạo, sửa chữa thông thường, phân loại hàng hóa, kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng;

b) Người học Biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

### II. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	<b>Pháp luật giao thông đường bộ</b>
	<b><i>Phần I. Luật Giao thông đường bộ</i></b>
	Chương I: Những quy định chung
	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ
	Chương III: Phương tiện tham gia giao thông đường bộ
	Chương IV: Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ
	Chương V: Phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông
	Chương VI: Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ
	<b><i>Phần II. Biển báo hiệu đường bộ</i></b>
	Chương I: Quy định chung
	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông
	Chương III: Biển báo hiệu
	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác
	<b><i>Phần III. Xử lý các tình huống giao thông</i></b>
	Các tính chất của sa hình
	Các nguyên tắc đi sa hình
	Kiểm tra
2	<b>Cấu tạo và sửa chữa thông thường</b>
	Sơ lược về Cấu tạo

	Cách sử dụng các trang thiết bị điều khiển
	Sơ lược về các hỏng hóc
<b>3</b>	<b>Nghiệp vụ vận tải</b>
	Phân loại hàng hóa, phân loại hành khách
	Các thủ tục giấy tờ trong vận tải
	Trách nhiệm của người lái xe kinh doanh vận tải
<b>4</b>	<b>Kỹ thuật lái xe</b>
	Kỹ thuật lái xe cơ bản
	Lái xe trên bãi và lái xe trong hình số 8, số 3
	Lái xe trên đường phức tạp và lái xe ban đêm
	Bài tập tổng hợp

## C. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

### I. Môn học Pháp luật giao thông đường bộ

#### 1. Mục đích, yêu cầu

##### 1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Pháp luật giao thông đường bộ, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông;

b) Thông qua Môn học Pháp luật giao thông đường bộ sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

##### 1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Pháp luật giao thông đường bộ: Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững luật lệ giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam. Người học biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

#### 2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
<b>1</b>	<b>Phần I. Luật Giao thông đường bộ</b>
	Chương I: Những quy định chung
	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ
	Chương III: Xe ô tô tham gia giao thông đường bộ
	Chương IV: Người lái xe ô tô tham gia giao thông đường bộ
<b>2</b>	<b>Phần II. Hệ thống báo hiệu đường bộ</b>

	Chương I: Quy định chung
	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông
	Chương III: Biển báo hiệu
	Phân nhóm và hiệu lực của biển báo hiệu
	Biển báo cấm
	Biển báo nguy hiểm
	Biển hiệu lệnh
	Biển chỉ dẫn
	Biển phụ
	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác
	Vạch kẻ đường
	Cọc tiêu, tường bảo vệ và hàng rào chắn
	Cột kilômét
	Mốc lộ giới
	Gương cầu lồi và dải phân cách tôn sóng
	Báo hiệu trên đường cao tốc
	Báo hiệu cấm đi lại
	Báo hiệu tuyến đường bộ đối ngoại
<b>3</b>	<b>Phần III. Xử lý các tình huống giao thông</b>
	Chương I: Các đặc điểm của sa hình
	Chương II: Các nguyên tắc đi sa hình

## II. Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường

### 1. Mục đích, yêu cầu

#### 1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường, nhằm trang bị cho học viên có được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các cụm, các hệ thống trên xe ô tô thông dụng và làm quen một số đặc điểm kết cấu trên xe ô tô hiện đại;

b) Thông qua môn học người học có thể hiểu được việc Bảo dưỡng các cấp và các hư hỏng thông thường.

#### 1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường người học: Có khả năng đọc được các sơ đồ, bản vẽ đơn giản về cấu tạo ô tô. Hiểu được tác dụng, sơ đồ cấu tạo, nguyên lý làm việc và những chú ý trong sử dụng các cụm, các hệ



thống chính trên xe ô tô thông dụng. Nắm được việc Bảo dưỡng các hư hỏng thông thường và bảo dưỡng định kỳ tới tuổi thọ của xe ô tô.

## 2. Nội dung chương trình môn học

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>
1	Giới thiệu chung về xe ô tô
2	Động cơ xe ô tô
3	Cấu tạo Gầm ô tô
4	Hệ thống Điện xe ô tô
5	Các hệ thống an toàn chủ động trang bị trên xe ô tô
6	Hệ thống tự chẩn đoán trên ô tô và các hư hỏng thông thường
7	Nội quy xưởng và kỹ thuật an toàn
8	Các hư hỏng thông thường

## III. Môn học Nghiệp vụ vận tải

### 1. Mục đích, yêu cầu

#### 1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học Nghiệp vụ vận tải, nhằm trang bị cho người học lái xe, nhân viên phục vụ trên xe tại các đơn vị kinh doanh vận tải các kiến thức cơ bản liên quan đến nghiệp vụ vận tải, an toàn giao thông, đạo đức nghề nghiệp để từ đó nâng cao nghiệp vụ của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; đảm bảo chất lượng dịch vụ vận tải và an toàn giao thông trong kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

#### 1.2. Yêu cầu

Thông qua Môn học Nghiệp vụ vận tải người học: Có kiến thức cơ bản về nghiệp vụ vận tải bằng xe ô tô, một số nội dung cần lưu ý khi điều khiển phương tiện để đảm bảo an toàn giao thông. Hiểu biết các quy định của pháp luật về vận tải đường bộ, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp. Các kiến thức để áp dụng được vào thực tế các nội dung, nhiệm vụ của người lái xe trong Quy trình đảm bảo an toàn giao thông; xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu thông thường xảy ra đối với hành khách khi đang lưu thông trên đường.

## 2. Nội dung chương trình môn học

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>
1	Khái niệm chung về vận tải ô tô
2	Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
3	Trách nhiệm của người lái xe
4	Trách nhiệm của người kinh doanh vận tải

#### IV. Môn học Đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông

##### 1. Mục đích, yêu cầu

###### 1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học nhằm trang bị cho học viên trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phẩm chất, đạo đức của người lái xe, cơ chế thị trường và cạnh tranh trong hoạt động vận tải, trách nhiệm của người sử dụng lao động, văn hóa khi tham gia giao thông và tác hại rượu bia.

###### 1.2. Yêu cầu

Thông qua Môn học Đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông người học: Nắm được đạo đức nghề nghiệp của người lái xe, trách nhiệm của người sử dụng lao động trong kinh doanh vận tải. Có kiến thức về văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu bia khi tham gia giao thông, các kiến thức cơ bản về sơ, cấp cứu.

##### 2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Những vấn đề cơ bản về phẩm chất đạo đức trong giai đoạn hiện nay
2	Đạo đức nghề nghiệp của người lái xe
3	Trách nhiệm, quyền hạn của người sử dụng lao động, của lái xe trong kinh doanh vận tải
4	Văn hóa giao thông
5	Phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông
6	Thực hành cấp cứu
7	Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

#### V. Môn học Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

##### 1. Mục đích, yêu cầu

###### 1.1. Mục đích

- Để thiết kế các bài giảng cho chương trình đào tạo lái xe nhằm trang bị cho học viên những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cơ bản về an toàn trong phòng cháy chữa cháy.

- Thông qua chương trình học học viên được trang bị kiến thức và khả năng ứng phó khi gặp các trường hợp cháy nổ trong quá trình điều khiển vận hành phương tiện.

###### 1.2. Yêu cầu

Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản về an toàn trong phòng cháy chữa cháy. Người học biết vận dụng linh hoạt kiến thức và

khả năng ứng phó khi gặp các trường hợp cháy nổ trong quá trình điều khiển vận hành phương tiện.

## 2. Nội dung chương trình môn học

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>
1	Khái quát tình hình cháy nổ trong nước và địa bàn trong những năm gần đây. Có các số liệu cụ thể minh chứng. Phân tích các nguyên nhân gây ra cháy nổ và bài học kinh nghiệm từ các vụ cháy lớn.
2	Kiến thức về các văn bản quy phạm Pháp luật trong phòng cháy chữa cháy
3	Tính chất cháy nổ và sự nguy hiểm của các chất cháy nổ thường gặp như xăng, dầu, khí hóa lỏng,....
4	Các chất thường được sử dụng để chữa cháy
5	Các biện pháp phòng cháy chữa cháy.
6	Quy trình chữa cháy tại một vụ cháy, biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy
7	Hướng dẫn cách sử dụng, cách kiểm tra, bảo quản các phương tiện phòng cháy chữa cháy đơn giản thường được các doanh nghiệp và cơ sở trang bị
8	Thực hành chữa cháy bằng bình cứu hỏa xách tay

## VI. Môn học Kỹ thuật lái xe

### 1. Mục đích, yêu cầu

#### 1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học Kỹ thuật lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe:

- Những kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe ô tô.
- Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại ô tô khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

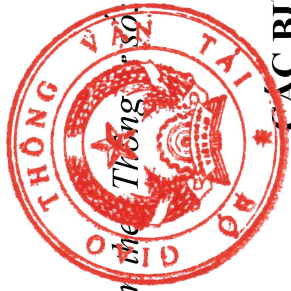
#### 1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Kỹ thuật lái xe người học: Có kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe ô tô. Nắm được các kiến thức và biết vận dụng kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

## 2. Nội dung chương trình môn học

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>
1	Vị trí, tác dụng các bộ phận trong buồng lái

2	Kỹ thuật lái xe cơ bản
3	Kỹ thuật lái xe trên các loại đường
	– Lái xe ô tô trên bãi phẳng, đường bằng
	– Lái xe ô tô trên đường đèo núi, trung du
	– Lái xe qua trạm thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ, qua cầu, phà
	– Lái xe trên đường phức tạp qua: chỗ hẹp, đường sắt, đường xấu, đường ngập nước, đường ngầm
	– Lái xe ô tô ban đêm , khu vực sương mù
	– Lái xe ô tô trên đường cao tốc
4	Kỹ thuật lái xe an toàn chủ động
5	Kỹ thuật lái xe ô tô chở hàng hóa
6	Tâm lý điều khiển xe ô tô
7	Phương pháp thực hành lái xe tổng hợp



**Phụ lục XXII**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024 /TT-BGTVT ngày 3 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 32**

**CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DỮ LIỆU DAT**

<b>Mẫu số 01</b>	<b>Báo cáo quá trình đào tạo thực hành lái xe của học viên</b>
<b>Mẫu số 02</b>	<b>Báo cáo kết quả đào tạo thực hành lái xe của khóa học</b>
<b>Mẫu số 03</b>	<b>Báo cáo số lượng học viên hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe trên toàn quốc</b>
<b>Mẫu số 04</b>	<b>Báo cáo số lượng học viên hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe của Sở Giao thông vận tải</b>
<b>Mẫu số 05</b>	<b>Báo cáo số lượng học viên hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe của cơ sở đào tạo</b>
<b>Mẫu số 06</b>	<b>Báo cáo kết quả đào tạo thực hành lái xe theo danh sách thí sinh dự sát hạch</b>

**Mẫu số 01. Báo cáo quá trình đào tạo thực hành lái xe của học viên**

**MẪU BÁO CÁO QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỦA HỌC VIÊN**

(Ngày báo cáo:...../...../.....)

**I. Thông tin học viên**

1. Họ và tên:
2. Mã học viên:
3. Ngày sinh:
4. Mã khóa học:
5. Hạng đào tạo:
6. Cơ sở đào tạo:

**II. Thông tin quá trình đào tạo**

STT	Mã phiên học	Ngày đào tạo	Đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông		Ghi chú
			Thời gian	Quãng đường	
<b>Tổng</b>					

**Mẫu số 02. Báo cáo kết quả đào tạo thực hành lái xe của khóa học**

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỦA KHÓA HỌC**

(Ngày báo cáo:...../...../.....)

**I. Thông tin khóa học**

1. Mã khóa học:
2. Hạng đào tạo:
3. Ngày khai giảng:
4. Ngày bế giảng:
5. Cơ sở đào tạo:

**II. Thông tin quá trình đào tạo**

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông		Ghi chú
				Tổng thời gian	Tổng quãng đường	













**Phụ lục XXIII**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 33**  
**QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG A1 VÀ A2**

**A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

**I. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy vi tính để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2**

1. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

1.2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

1.3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

1.4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

1.5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận máy tính: số báo danh dự sát hạch;

2.2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.2.1. Thời gian làm bài: 19 phút.

2.2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra

đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A1: từ 21/25 điểm trở lên;

3.2. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A2: từ 23/25 điểm trở lên;

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## **II. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2**

1. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, bộ đề sát hạch, đáp án sát hạch.

1.2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

1.3. Bố trí chỗ ngồi, phát đề sát hạch cho thí sinh (mỗi đợt sát hạch bố trí 20 thí sinh), ký tên vào bài sát hạch lý thuyết của thí sinh (theo mẫu số 01 tại Phụ lục này) trước khi phát đề sát hạch lý thuyết.

1.4. Phát lệnh sát hạch, công bố thời gian bắt đầu, kết thúc sát hạch lý thuyết.

1.5. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

1.6. Thu bài sát hạch lý thuyết của thí sinh khi hết giờ làm bài và sử dụng đáp án sát hạch để chấm điểm.

## 2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Nhận đề sát hạch: ghi số đề sát hạch và số báo danh vào bài sát hạch lý thuyết.

### 2.2. Thực hiện nội dung sát hạch

a) Thời gian làm bài: 19 phút;

b) Đề thi được thiết kế gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết;

c) Ý trả lời của thí sinh chỉ được đánh dấu bằng dấu nhân (x) trong ô tương ứng; những trường hợp đánh dấu nhân vào 02 ô trở lên trên một cột hoặc tẩy xóa đều bị coi là trả lời sai; không được dùng bút có mực màu đỏ hoặc bút chì để đánh dấu trả lời câu hỏi sát hạch.

## 3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A1: từ 21/25 điểm trở lên.

3.2. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A2: từ 23/25 điểm trở lên.

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phân kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phân kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## **B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH**

### **I. Đối với sát hạch viên**

1. Trường hợp sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; ký tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh; sau khi thí sinh hoàn thành nội dung sát hạch, yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

1.3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Trường hợp sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động

2.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, thiết bị chấm điểm tự động.

2.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận xe sát hạch được giao; ký tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh; sau khi thí sinh hoàn thành nội dung sát hạch, yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

2.3. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch, theo dõi quá trình sát hạch và thông qua thiết bị trong phòng điều hành trực tiếp ghi các lỗi vi phạm của thí sinh. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát:

2.3.1. Đình chỉ sát hạch: Khi hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch.

2.3.2. Đình chỉ sát hạch: Khi xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch.

2.3.3. Trừ 05 điểm: Mỗi lần chạm chân xuống đất trong quá trình sát hạch.

2.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).

2.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

## **II. Đối với người dự sát hạch**

1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao và đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

2. Thí sinh thực hiện bài sát hạch

2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

2.1.1 Bài sát hạch số 1: Đi qua hình số 8.

2.1.1.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.1.1.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến đến cửa vào hình số 8, rẽ phải đi một vòng hình số 8.

2.1.1.3. Tiếp tục điều khiển xe tiến qua nửa hình số 3 đến cửa ra hình số 8.

2.1.1.4. Tiếp tục điều khiển xe đến bài sát hạch số 2.

### 2.1.2. Bài sát hạch số 2: Đi qua vạch đường thẳng

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua vạch đường thẳng và điều khiển xe đến bài sát hạch số 3.

### 2.1.3. Bài sát hạch số 3: Đi qua đường có vạch cản

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua đường có vạch cản và điều khiển xe đến bài sát hạch số 4.

### 2.1.4. Bài sát hạch số 4: Đi qua đường gồ ghề

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua đường gồ ghề và điều khiển xe đến vị trí kết thúc.

## 2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.2.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch;

2.2.2. Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;

2.2.3. Bánh xe không được đè lên vạch cản;

2.2.4. Hoàn thành các bài sát hạch trong thời gian 10 phút;

2.2.5. Xe không được chết máy trong quá trình thực hiện sát hạch.

## 2.3. Các lỗi bị trừ điểm

2.3.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.3. Bánh xe đè vào vạch cản của hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.4. Hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.5. Xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.6. Chạm chân xuống đất trong quá trình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.8. Thời gian thực hiện các bài sát hạch quá 10 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;

2.3.9. Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch;

2.3.10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.

## 3. Công nhận kết quả:

- Thời gian thực hiện các bài sát hạch: 10 phút;

- Thang điểm: 100 điểm;

- Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

### 3.1. Trường hợp sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp



Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, nhận xét, ký tên và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh theo Mẫu số 02 Phụ lục này.

### 3.2. Trường hợp sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động

Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và phân kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

## **C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG A1 VÀ A2**

<b>Mẫu số 01</b>	<b>Bài sát hạch Lý thuyết các hạng A1 và A2</b>
<b>Mẫu số 02</b>	<b>Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A2</b>

**Mẫu số 01. Bài sát hạch lý thuyết các hạng A1 và A2**

SỞ GTVT...  
TỔ SÁT HẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÀI SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
Trả lời	1																									
	2																									
	3																									
	4																									

**Kết luận:**

Số điểm đạt được:..... .....điểm

Đạt  
Thí sinh ký tên

Không đạt  
Sát hạch viên ký tên

**Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A2****MÁU BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH**SỞ GTVT...  
**TỔ SÁT HẠCH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm

**BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH**

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Bánh xe đè vạch giới hạn hình sát hạch		05	
2	Bánh xe đè vạch cản của hình sát hạch		05	
3	Chạm chân xuống đất trong bài sát hạch		05	
4	Xe bị chết máy		05	
5	Đi không đúng trình tự bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
6	Hai bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch			Đình chỉ sát hạch
7	Xe sát hạch bị đổ			Đình chỉ sát hạch
8	Không hoàn thành bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
9	Điểm sát hạch dưới 80 điểm			Đình chỉ sát hạch
Cộng				

**Kết luận:**

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Không đạt

Thí sinh ký tên

Sát hạch viên ký tên



**Phụ lục XXIV**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 34**  
**QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG A3 VÀ A4**

**A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

I. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; Trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

**II. Đối với người dự sát hạch**

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài: 19 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A3, A4: từ 23/25 điểm trở lên.

3.2. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phân kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phân kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## **B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH**

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, có 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tiếp nhận và sắp xếp xe cho thí sinh và 01 sát hạch viên làm việc tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh và phát lệnh sát hạch;

2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch;

3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình;

4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch;

5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao và đội mũ bảo hiểm cài quai đúng quy cách theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

2. Thí sinh thực hiện bài sát hạch

2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

2.1.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;

2.1.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình chữ chỉ cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc của hình sát hạch 01m thì dừng lại;

2.1.3. Lùi xe theo hướng ngược lại cho đến khi bánh xe trước của xe qua vạch bắt đầu của hình sát hạch.

2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.2.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch;

2.2.2. Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;

2.2.3. Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;

2.2.4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 10 phút;

2.2.5. Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.3. Các lỗi bị trừ điểm

2.3.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 10 điểm;

2.3.3. Bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.4. Điều khiển xe bị rung giật mạnh, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.5. Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 10 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;

2.3.6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 10 điểm;

2.3.8. Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch;

2.3.9. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.

III. Công nhận kết quả:

1. Thời gian thực hiện bài sát hạch: 10 phút.

2. Thang điểm: 100 điểm.

3. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

4. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, nhận xét, ký tên và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh theo Mẫu số 01 Phụ lục này).

### **C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG A3 VÀ A4**

<b>Mẫu số 01</b>	<b>Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A3 và A4</b>
------------------	--

**Mẫu số 01. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A3 và A4**

SỞ GTVT...  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH**

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Bánh xe đè vạch giới hạn hình sát hạch		10	
2	Điều khiển xe bị rung giật mạnh		05	
3	Xe bị chết máy		10	
4	Đi không đúng trình tự bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
5	Bánh xe ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch			Đình chỉ sát hạch
6	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn			Đình chỉ sát hạch
7	Do không hoàn thành bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
8	Điểm sát hạch dưới 80 điểm			Đình chỉ sát hạch
<b>Cộng</b>				

....., ngày      tháng      năm

**Kết luận:**

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Không đạt

**Thí sinh ký tên**

**Sát hạch viên ký tên**



**Phụ lục XXV**  
(Ban hành kèm theo Thông số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 3 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### **Phụ lục 35**

## **QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B1, B2, C, D VÀ E**

### **A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

I. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

### **II. Đối với người dự sát hạch**

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Đề sát hạch có số lượng câu hỏi và thời gian làm bài như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Hạng B1</b>	<b>Hạng B2</b>	<b>Hạng C</b>	<b>Hạng D, E</b>
Số câu hỏi trắc nghiệm	30	35	40	45
Thời gian làm bài (phút)	20	22	24	26



2.2. Mỗi câu hỏi được tính 01 điểm và mỗi đề thi có 01 câu hỏi nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

<b>Nội dung</b>	<b>Hạng B1</b>	<b>Hạng B2</b>	<b>Hạng C</b>	<b>Hạng D, E</b>
Thang điểm	30	35	40	45
Điểm đạt tối thiểu	27	32	36	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## **B. SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH**

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; Tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông;

2. Gọi thí sinh theo danh sách; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe), ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh;

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với sổ báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch;

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử

dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm;

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

## II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài sát hạch: không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

## III. Công nhận kết quả

1. Điểm đạt yêu cầu

<b>Nội dung</b>	<b>Hạng B1, B2, C, D, E</b>
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

2. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận vào phần

kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## **C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH**

### **I. Sát hạch thực hành lái xe trong hình:**

1. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, có 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình và 01 sát hạch viên làm việc tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, phần mềm điều hành và quản lý sát hạch.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh; ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận ô tô sát hạch được giao.

1.3. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động, gọi thí sinh, sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch các trường hợp:

1.4.1. Thí sinh cố tình sử dụng điện thoại và thiết bị viễn thông khi thực hiện phần thi sát hạch thực hành lái xe trong hình;

1.4.2. Lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có);

1.4.3. Phát hiện người thực hiện phần thi sát hạch không phù hợp với thông tin thí sinh trong bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra;

1.4.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: Lái xe lên vỉa hè, gây tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch

2.2. Thực hiện bài sát hạch thực hành lái xe trong hình

2.2.1 Trình tự thực hiện và yêu cầu chung

a) Đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng B1 số tự động, B1, B2: thực hiện liên hoàn 11 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: Xuất phát;
- Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch: Ghép xe dọc vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch: Ghép xe ngang vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 11: Kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 10 thực hiện theo thứ tự phù hợp phương án bố trí mặt bằng tổng thể thực tế của Trung tâm sát hạch lái xe đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

b) Đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng C, D và E: thực hiện liên hoàn 10 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: Xuất phát;
- Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch: Ghép xe vào nơi đỗ (ghép dọc đối với hạng C và ghép ngang đối với hạng D và E);
- Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 10: Kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 9 thực hiện theo thứ tự phù hợp phương án bố trí mặt bằng tổng thể thực tế của Trung tâm sát hạch lái xe đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c) Trong quá trình sát hạch, thí sinh phải thực hiện đúng trình tự; chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; giữ động cơ hoạt động liên tục; tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; tốc độ xe chạy (trừ bài thay đổi số trên đường bằng) không quá 20 km/h đối với xe hạng C, E, không quá 24 km/h đối với xe hạng B, D; nếu không thực hiện được sẽ bị trừ điểm như quy định tại các bài sát hạch;

d) Trong sân sát hạch, ngoài khu vực các bài sát hạch, thí sinh sẽ gặp tình huống nguy hiểm; tình huống này xuất hiện ngẫu nhiên, bất ngờ. Kể từ khi có tín hiệu báo tình huống nguy hiểm (tiếng loa báo tín hiệu nguy hiểm và đèn đỏ trên xe bật sáng), nếu không phanh dừng xe trong thời gian 3 giây bị trừ 10 điểm; nếu không ấn nút để bật tín hiệu nguy hiểm trên xe trong thời gian 5 giây bị trừ 10 điểm; khi hết tín hiệu báo tình huống nguy hiểm, nếu không ấn nút tắt tín hiệu nguy hiểm trên xe trước khi đi tiếp bị trừ 10 điểm; nếu không thực hiện được các thao tác trên bị trừ 10 điểm.

### 2.2.2 Yêu cầu đối với các bài sát hạch lái xe trong hình

#### a) Bài sát hạch số 1: Xuất phát

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh; 2. Khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng, tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe xuất phát; 3. Tắt xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt); 4. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát; 2. Khởi hành nhẹ nhàng, không bị rung giật, trong khoảng thời gian 20 giây; 3. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát; 4. Tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt); 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;	1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm; 2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm; 3. Không tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt), bị trừ 05 điểm; 4. Không bật và tắt đèn xi nhan trái kịp thời bị trừ 05 điểm; 5. Quá 20 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị trừ 05 điểm; 6. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị đình chỉ sát hạch.

	<p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>8. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm.</p>
--	--	--

b) Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm.</p> <p>4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm;</p>

		<p>8. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	--

c) Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Khởi hành lên dốc nhẹ nhàng, không bị tụt dốc, bảo đảm thời gian quy định;</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Khởi hành xe êm dịu, không bị tụt dốc quá 500mm;</p> <p>3. Xe qua vị trí dừng trong khoảng thời gian 30 giây;</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>4. Quá thời gian 30 giây kể từ khi dừng xe không khởi hành xe qua vạch dừng, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>5. Xe bị tụt dốc quá 500 mm kể từ khi dừng xe, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p>

		<p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 1 điểm;</p> <p>11. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	---

d) Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Lái xe để bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe;</p> <p>2. Lái xe qua đường vòng vuông góc trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút;</p> <p>3. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe;</p> <p>3. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D - 20 km/h đối với hạng C, E</p>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ không qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>6. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p>



		<p>9. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>11. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>12. Điểm thi dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	--

đ) Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại;</li> <li>- Đèn tín hiệu màu xanh hoặc vàng được phép đi.</li> </ul> <p>2. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi qua ngã tư rẽ trái;</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi qua ngã tư rẽ phải;</p>	<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông;</p> <p>2. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi rẽ trái;</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi rẽ phải</p> <p>5. Xe qua ngã tư trong thời gian 20 giây;</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>7. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p>	<p>1. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông (đi qua ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), bị trừ 10 điểm;</p> <p>2. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Quá 20 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị trừ 05 điểm;</p> <p>6. Quá 30 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch</p>

<p>5. Lái xe qua ngã tư trong thời gian quy định;</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm vạch kẻ đường;</p> <p>7. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>8. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>9. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>kết thúc ngã tư, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường để thiết bị báo không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>8. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>10. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>13. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>14. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
---	---	--

e) Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Lái xe qua đường vòng quanh co trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p>

	<p>3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>11. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	--

## g) Bài sát hạch: Ghép xe vào nơi đỗ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc (đối với xe hạng B, C) hoặc khu vực để ghép xe ngang (đối với xe hạng B1 số tự động, B1, B2, D, E);</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 5 điểm;</p>

<p>2. Lùi để ghép xe vào nơi đỗ;</p> <p>3. Dừng xe ở vị trí đỗ quy định;</p> <p>4. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>3. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Ghép xe không đúng vị trí quy định (toàn bộ thân xe nằm trong khu vực ghép xe nhưng không có tín hiệu báo kết thúc), bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>12. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>13. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
---	--	---

## h) Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (Khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm.</p> <p>4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>

## i) Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu	1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt	1. Không thay đổi số theo quy định, bị trừ 05 điểm;

<p>vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h;</p> <p>c) Đối với xe hạng C, E: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h;</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h</p> <p>c) Đối với xe hạng C, E: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h;</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 2 phút.</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p>	<p>2. Không thay đổi tốc độ theo quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Không thay đổi đúng số và đúng tốc độ quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	--

k) Bài sát hạch: Kết thúc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
--------------------	------------------	---------------------

<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc và dừng xe.</p>	<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E;</li> </ul>	<p>1. Không qua vạch kết thúc, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>3. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>4. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>5. Khi xe qua vạch kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm;</li> <li>b) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> <li>c) Tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> <li>d) Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</li> <li>đ) Tổng thời gian thực hiện các bài sát hạch quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</li> </ul>
---	---	---

### 3. Công nhận kết quả:

<b>Nội dung</b>	<b>Hạng B1, B2</b>	<b>Hạng D</b>	<b>Hạng C, E</b>
Thời gian thực hiện (phút)	18	15	20
Thang điểm	100	100	100
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## II. Sát hạch thực hành lái xe trên đường:

### 1. Đối với sát hạch viên

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận thiết bị chấm điểm trên ô tô sát hạch; kiểm tra: việc kết nối giữa thiết bị chấm điểm với phần mềm điều hành và quản lý sát hạch lái xe trên đường, việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên ô tô sát hạch;

1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh; đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; nhập khoá sát hạch, số báo danh dự sát hạch của thí sinh;

1.3. Ngồi cạnh thí sinh để thực hiện các công việc:

a) Quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện (thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị);

b) Bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch;

c) Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;

d) Theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị để ghi các lỗi vi phạm của thí sinh khi:

- Xe bị rung giật mạnh;
- Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ;
- Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;
- Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
- Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

### 2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

2.2. Thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền;

2.2.1. Trình tự thực hiện và yêu cầu chung

Thí sinh thực hiện tối thiểu 04 bài sát hạch lái xe trên đường, gồm:

a) Bài sát hạch: Xuất phát;



b) Bài sát hạch: Tăng số, tăng tốc độ;

c) Bài sát hạch: Giảm số, giảm tốc độ;

d) Bài sát hạch: Kết thúc.

Trên quãng đường sát hạch, bài sát hạch "tăng số, tăng tốc độ", "giảm số, giảm tốc độ" có thể thực hiện nhiều lần, không theo thứ tự.

### 2.2.2. Yêu cầu đối với các bài sát hạch lái xe trên đường

a) Bài sát hạch: Xuất phát

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh; 2. Khi có lệnh xuất phát (tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe qua vạch xuất phát; 3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành; 4. Điều khiển tăng số từ số 1 lên số 3 và lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát; 2. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát; 3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm; 4. Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3; 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 7. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ; 8. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; 9. Thực hiện các yêu cầu theo thông báo	1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm; 2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm; 3. Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 05 điểm; 4. Trong khoảng 15 m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 05 điểm; 5. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát, chưa khởi hành xe qua vị trí xuất phát, bị đình chỉ sát hạch; 6. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 7. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 9. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;

	<p>của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>10. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;</p>	<p>10. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>11. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>12. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>13. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch;</p>
--	--	---

b) Bài sát hạch: Tăng số, tăng tốc độ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để tăng số, tăng tốc độ;</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m phải tăng lên 01 tay số và tốc độ tăng thêm tối thiểu 05km/h;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>6. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m không tăng được số, tốc độ bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p>

	<p>hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>7. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;</p>	<p>7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch;</p>
--	---	--

c) Bài sát hạch: Giảm số, giảm tốc độ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để giảm số, giảm tốc độ;</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m phải giảm xuống 01 tay số và tốc độ giảm tối thiểu 05km/h;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>6. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>7. Lái xe an toàn và không bị choạng lái</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m không giảm được số, tốc độ, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p>

	quá làn đường quy định;	9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch;
--	-------------------------	--

## d) Bài sát hạch: Kết thúc

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
1. Khi có lệnh kết thúc (tiếng loa trên xe báo lệnh kết thúc), bật đèn xi nhan phải, lái xe sát lề đường bên phải; 3. Dừng xe; 4. Giảm hết số khi dừng xe 5. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.	1. Bật đèn xi nhan phải trong khoảng 05 m từ khi có lệnh kết thúc; 2. Dừng xe sát lề đường bên phải; 3. Khi xe dừng hẳn phải về số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe số tự động); 4. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn; 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 7. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ; 8. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; 9. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát	1. Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm; 2. Khi xe dừng hẳn, không về được số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe số tự động), bị trừ 05 điểm; 3. Không kéo phanh tay khi xe dừng hẳn, bị trừ 05 điểm; 4. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 5. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 6. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 7. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm; 8. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch;

	hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên; 10. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định.	10. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 11. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch.
--	---	---

### 3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 100 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào phiếu chấm điểm được in từ máy in trên ô tô sát hạch và phân kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phân kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.



**Phụ lục XXVI**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

## **Phụ lục 36**

### **QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG FB2, FD, FE**

#### **A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

I. Đối với sát hạch viên: mỗi phòng khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe; ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; Trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

#### **II. Đối với người dự sát hạch**

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài: 26 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 45 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 44 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án

đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm a khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

### III. Công nhận kết quả:

<b>Nội dung</b>	<b>Hạng FB2, FD, FE</b>
Thang điểm	45
Điểm đạt tối thiểu	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## **B. SÁT HẠCH MÔ PHÒNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH**

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ trong đó 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông;

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe), ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình sử dụng

điện thoại và các thiết bị thiết bị viễn thông khi thực hiện nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

## II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập hạng giấy phép lái xe dự sát hạch và số báo danh dự sát hạch.

### 2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài sát hạch: không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

## III. Công nhận kết quả

<b>Nội dung</b>	<b>Hạng FB2, FD, FE</b>
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

1. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.



2. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình và phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## **C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH**

### **I. Sát hạch lái xe trong hình**

#### **1. Đối với sát hạch viên**

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận ô tô sát hạch được giao.

1.3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình sử dụng điện thoại và thiết bị viễn thông khi thực hiện phần thi sát hạch thực hành lái xe trong hình.

1.5. Sát hạch viên theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

#### **2. Đối với người dự sát hạch**

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao.

2.2. Thực hiện các bài sát hạch

2.2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc bài sát hạch.

Cọc chuẩn làm bằng ống thép, gỗ, nhựa ..., cao 1,6m, đường kính tiết diện từ 20mm đến 25mm, sơn hai màu trắng và đỏ, mỗi khoang sơn dài 0,15m.

Chân đế của cọc chuẩn làm bằng gang, sắt ..., có hình vuông, hình tròn hoặc hình tam giác cân đảm bảo giữ được cọc chuẩn cứng vững.

2.2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

a) Đi đúng trình tự bài sát hạch;

b) Thân xe không được chạm cọc chuẩn;

- c) Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút;
- d) Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;
- đ) Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;
- e) Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

### 2.2.3. Các lỗi bị trừ điểm

- a) Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;
- b) Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đỗ, mỗi lần bị trừ 15 điểm;
- c) Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn, mỗi lần bị trừ 25 điểm;
- d) Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;
- đ) Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;
- e) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- g) Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch.
- h) Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.

### 3. Công nhận kết quả:

3.1. Thời gian thực hiện bài sát hạch : 05 phút;

3.2. Thang điểm: 100 điểm;

3.3. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên;

3.4. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

3.5. Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình theo Mẫu số 01 Phụ lục này.

## **II. Sát hạch lái xe trên đường:**

1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch;

1.2. Kiểm tra tình trạng lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên ô tô sát hạch;

1.3. Sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh, kiểm tra nhận dạng, đối chiếu giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của thí sinh;

1.4. Ngồi cạnh thí sinh để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện, bảo hiểm tay lái, quan sát, thông báo, ghi và chấm điểm các lỗi vi phạm của thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch;

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

2.2. Thí sinh thực hiện các bài sát hạch

2.2.1. Các bước thực hiện

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, khởi hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền);

c) Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Yêu cầu đạt được

a) Bật và tắt đèn xi nhan trái khi khởi hành;

b) Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm;

c) Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;

d) Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường;

đ) Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ về biển báo hiệu đường bộ, tốc độ và khoảng cách, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ phân làn đường, nhường đường cho các xe ưu tiên; tránh, vượt xe khác;

e) Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

g) Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe;

h) Giảm hết số khi dừng xe;

i) Dừng xe đúng vị trí quy định;

k) Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.

2.2.3 Các lỗi bị trừ điểm

a) Không thắt dây an toàn (đối với loại xe có trang bị dây an toàn) bị trừ 02 điểm;

b) Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;

c) Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã hoà nhập vào làn đường, bị trừ 02 điểm;

d) Khởi hành xe bị rung giật mạnh, bị trừ 02 điểm;

đ) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 02 điểm;

e) Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;

g) Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 02 điểm;

- h) Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, bị trừ 02 điểm;  
 i) Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần bị trừ 05 điểm;  
 k) Thí sinh bị đình chỉ sát hạch khi:
- Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;
  - Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
  - Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định;
- l) Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số, bị trừ 02 điểm;  
 m) Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;  
 n) Không giảm hết số trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;  
 o) Không kéo phanh tay khi dừng xe, bị trừ 02 điểm.

### 3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 20 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 15 điểm trở lên.

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

3.4. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông và phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

## **D. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG FB2, FD, FE**

<b>Mẫu số 01</b>	<b>Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng FB2,FD, FE</b>
<b>Mẫu số 02</b>	<b>Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường hạng FB2, FD, FE</b>

**Mẫu số 01. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng FB2, FD và FE**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH**

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đỗ		15	
2	Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn		25	
3	Quá thời gian 05 phút đối với 01 bài sát hạch		05	
4	Xe bị chết máy		05	
5	Đi không đúng trình tự bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
6	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn			Đình chỉ sát hạch
7	Không hoàn thành bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn			Đình chỉ sát hạch
8	Điểm sát hạch dưới 80 điểm			Đình chỉ sát hạch
<b>Cộng</b>				

....., ngày      tháng      năm

**Kết luận:**

Số điểm đạt được:.....điểm

 Đạt Không đạt

Thí sinh ký tên

Sát hạch viên ký tên

**Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường hạng FB2, FD, FE**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG**

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Không thắt dây an toàn	2		
2	Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành	2		
3	Không tắt đèn xi nhan trái khi đã hòa nhập vào làn đường	2		
4	Khởi hành xe bị rung giật mạnh	2		
5	Xe bị chết máy	2		
6	Không nhả hết phanh tay khi khởi hành	2		
7	Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3	2		
8	Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường	2		
9	Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ	5		
10	Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên	Đình chỉ sát hạch		
11	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn	Đình chỉ sát hạch		
12	Khi tăng hoặc giảm số xe bị choạng lái quá làn đường quy định	Đình chỉ sát hạch		
13	Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số	2		
14	Không giảm hết số khi dừng xe	2		
15	Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe	2		
16	Không kéo phanh tay khi dừng xe	2		
<b>Cộng</b>				

....., ngày tháng năm

**Kết luận:**

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Thí sinh ký tên

Không đạt

Sát hạch viên ký tên



**Phụ lục XXVII**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

## **Phụ lục 37**

### **QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG FC**

#### **A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

I. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe; ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; Trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

#### **II. Đối với người dự sát hạch**

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch.

2.1. Thời gian làm bài: 26 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 45 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án

đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

<b>Nội dung</b>	<b>Hạng FC</b>
Thang điểm	45
Điểm đạt tối thiểu	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phân kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phân kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## **B. SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH**

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe, ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.



5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

## II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài sát hạch: không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

## III. Công nhận kết quả

<b>Nội dung</b>	<b>Hạng FC</b>
Số lượng tình huống	50
Điểm đạt tối thiểu	35

1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

### I. Sát hạch lái xe trong hình

#### 1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh;

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh ghi trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

1.3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình;

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình vi phạm;

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

#### 2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

2.2. Thí sinh thực hiện 02 bài sát hạch

2.2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

a) Bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại

- Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên ;
- Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc bài sát hạch.

b) Bài sát hạch ghép xe vào nơi đỗ

- Thí sinh lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc;
- Thí sinh lùi để ghép xe vào nơi đỗ;
- Thí sinh dừng xe khi bánh xe sau nằm trên vị trí đỗ quy định;
- Thí sinh điều khiển xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và dừng lại.

Cọc chuẩn làm bằng ống thép, gỗ, nhựa ..., cao 1,6m, đường kính tiết diện từ 20mm đến 25mm, sơn hai màu trắng và đỏ, mỗi khoang sơn dài 0,15m.

Chân đế của cốc chuẩn làm bằng gang, sắt ..., có hình vuông, hình tròn hoặc hình tam giác cân đảm bảo giữ được cốc chuẩn cứng vững.

### 2.2.2 Yêu cầu đạt được của thí sinh

- a) Đi đúng trình tự bài sát hạch;
- b) Thân xe không được chạm cốc chuẩn;
- c) Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút;
- d) Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;
- đ) Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;
- e) Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

### 2.2.3 Các lỗi bị trừ điểm

- a) Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;
- b) Chạm 01 cốc chuẩn nhưng không đổ, mỗi lần bị trừ 10 điểm;
- c) Chạm làm đổ 01 cốc chuẩn, mỗi lần bị trừ 15 điểm;
- d) Đỗ xe không đúng vị trí quy định, bị trừ 05 điểm;
- đ) Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (Khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị đình chỉ sát hạch;
- e) Thời gian thực hiện 01 bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;
- g) Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;
- h) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- i) Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch;
- k) Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.

## 3. Công nhận kết quả:

3.1. Thời gian thực hiện 01 bài sát hạch : 05 phút;

3.2. Thang điểm: 100 điểm;

3.3. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên;

- Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

- Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình và phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

## II. Sát hạch lái xe trên đường:

### 1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch;

1.2. Kiểm tra tình trạng lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên ô tô sát hạch;

1.3. Sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh ghi trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh;

1.4. Ngồi ghế bên cạnh thí sinh để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện, bảo hiểm tay lái, quan sát, thông báo và ghi và chấm điểm các lỗi vi phạm của thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch;

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

### 2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

2.2. Thí sinh thực hiện các bài sát hạch

2.2.1. Các bước thực hiện

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, khởi hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02 km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền);

c) Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Yêu cầu đạt được

a) Bật và tắt đèn xi nhan trái khi khởi hành;

b) Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm;

c) Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;

d) Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường;

đ) Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ về biển báo hiệu đường bộ, tốc độ và khoảng cách, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ phân làn đường, nhường đường cho các xe ưu tiên; tránh, vượt xe khác;

e) Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

- g) Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe;
- h) Giảm hết số khi dừng xe;
- i) Dừng xe đúng vị trí quy định;
- k) Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.

### 2.2.3 Các lỗi bị trừ điểm

- a) Không thắt dây an toàn (đối với loại xe có trang bị dây an toàn) bị trừ 02 điểm;
- b) Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;
- c) Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã hoà nhập vào làn đường, bị trừ 02 điểm;
- d) Khởi hành xe bị rung giật mạnh, bị trừ 02 điểm;
- đ) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 02 điểm;
- e) Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;
- g) Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 02 điểm;
- h) Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, bị trừ 02 điểm;
- i) Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- k) Thí sinh bị đình chỉ sát hạch sát hạch khi:
  - Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;
  - Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
  - Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định;
- l) Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số, bị trừ 02 điểm;
- m) Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;
- n) Không giảm hết số trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;
- o) Không kéo phanh tay khi dừng xe, bị trừ 02 điểm.

### 3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 20 điểm;

3.2. Điểm đạt: Từ 15 điểm trở lên;

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh;

3.4. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông và phân kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

**D. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG FC**

<b>Mẫu số 01</b>	<b>Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng FC</b>
<b>Mẫu số 02</b>	<b>Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường hạng FC</b>

**Mẫu số 01. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình FC**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÀI THI SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH**

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đỗ		10	
2	Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn		15	
3	Quá thời gian 05 phút đối với 01 bài sát hạch		05	
4	Xe bị chết máy		05	
5	Đỗ xe không đúng vị trí quy định		05	
6	Chưa ghép được xe vào nơi đỗ			Đình chỉ sát hạch
7	Đi không đúng trình tự bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
8	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn			Đình chỉ sát hạch
9	Không hoàn thành bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn			Đình chỉ sát hạch
10	Điểm sát hạch dưới 80 điểm			Đình chỉ sát hạch
<b>Cộng</b>				

....., ngày      tháng      năm

**Kết luận:**

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Không đạt

Thí sinh ký tên

Sát hạch viên ký tên

**Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường hạng FC**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÀI THI SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG**

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Không thắt dây an toàn	2		
2	Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành	2		
3	Không tắt đèn xi nhan trái khi đã hòa nhập vào làn đường	2		
4	Khởi hành xe bị rung giật mạnh	2		
5	Xe bị chết máy	2		
6	Không nhả hết phanh tay khi khởi hành	2		
7	Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3	2		
8	Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường	2		
9	Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ	5		
10	Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên	Đình chỉ sát hạch		
11	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn	Đình chỉ sát hạch		
12	Khi tăng hoặc giảm số xe bị choạng lái quá làn đường quy định	Đình chỉ sát hạch		
13	Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số	2		
14	Không giảm hết số khi dừng xe	2		
15	Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe	2		
16	Không kéo phanh tay khi dừng xe	2		
<b>Cộng</b>				

....., ngày tháng năm

**Kết luận:**

Số điểm đạt được:.....điểm

 Đạt

Thí sinh ký tên

 Không đạt

Sát hạch viên ký tên





**Phụ lục XXVIII**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 38**

**MẪU VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN VỀ  
TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ**

UBND TỈNH...  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: /SGTVT...

Vv xác thực trình độ văn hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ....

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 22, khoản 4 Điều 43 và khoản 4 Điều 44 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số.../.../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm ...).

Ngày... tháng ... năm ... Sở Giao thông vận tải ... nhận được đề nghị tham dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe của các cá nhân là người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt, đề việc sát hạch, cấp giấy phép lái xe được đúng đối tượng theo quy định, đề nghị Ủy ban nhân dân xác thực trình độ văn hóa của các công dân theo danh sách gửi kèm văn bản này.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đề nghị quý cơ quan quan tâm, phối hợp thực hiện và có văn bản xác thực gửi về Sở Giao thông vận tải ... trước ngày... tháng ... năm ... /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ sở đào tạo (để biết);
- Lưu VP, ...

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH XÁC THỰC TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DÂN  
TỘC THIỂU SỐ KHÔNG BIẾT ĐỌC, VIẾT TIẾNG VIỆT**

*(Kèm theo văn bản số...../SGTVT ngày....tháng....năm)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày tháng năm sinh</b>	<b>Số CCCD/CMND/HC</b>	<b>Nơi cư trú</b>	<b>Ghi chú</b>
1					
2					
...					



## Phụ lục XXIX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phụ lục 39

## NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

### I. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch

#### 1. Chủ tịch

##### 1.1. Nhiệm vụ

1.1.1. Tổ chức họp hội đồng, tổ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, thành lập hội đồng sát hạch, tổ sát hạch; phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho sát hạch viên; phân công nhiệm vụ của hội đồng kỳ sát hạch lái xe và lập Biên bản phân công theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục này.

1.1.2. Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho người dự sát hạch, thông báo kế hoạch tổ chức kỳ sát hạch phù hợp với năng lực sát hạch lái xe trong ngày.

##### 1.1.3. Chỉ đạo Tổ trưởng sát hạch:

a) Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch quy định tại điểm 1.1 mục 1 phần III Phụ lục này, nếu đủ thì báo cáo Chủ tịch tổ chức sát hạch;

b) Tiếp nhận, sử dụng thiết bị chấm điểm lý thuyết và thực hành. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của trung tâm vận hành thì phải giám sát trong quá trình sát hạch.

##### 1.1.4. Đôn đốc, kiểm tra các thành viên hội đồng thực hiện nhiệm vụ giao.

1.1.5. Xử lý trường hợp chấm điểm không chính xác do lỗi của thiết bị chấm điểm tự động và các trường hợp đình chỉ sát hạch bắt buộc, các vi phạm và khiếu nại của thí sinh theo báo cáo của Tổ trưởng sát hạch. Khi cần thiết, phải họp hội đồng để xem xét, quyết định.

1.1.6. Tổ chức họp hội đồng sát hạch để nghe Tổ trưởng sát hạch báo cáo kết quả sát hạch. Nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm kỳ sát hạch và lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, đề nghị công nhận thí sinh trúng tuyển; xác nhận thí sinh vắng, trượt, xác nhận phí và lệ phí phải nộp.

#### 1.2. Quyền hạn

1.2.1. Tạm dừng sát hạch để báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định khi: Thiết bị chấm điểm lý thuyết hoặc thực hành bị hỏng, báo lỗi và chấm điểm không đúng quy trình sát hạch; xe sát hạch không đảm bảo an toàn.

1.2.2. Tạm đình chỉ nhiệm vụ của sát hạch viên khi vi phạm quy chế, lập biên bản báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

## 2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe (Ủy viên)

### 2.1. Nhiệm vụ

2.1.1. Chỉ đạo Trưởng phòng (ban) đào tạo phối hợp với Tổ trưởng sát hạch để thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch.

2.1.2. Giúp Chủ tịch xử lý thí sinh vi phạm nội quy, quy chế và khiếu nại về kết quả sát hạch.

2.1.3. Phối hợp với Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe giải quyết tai nạn xảy ra khi sát hạch thực hành lái xe trong hình; trường hợp do lỗi của thí sinh gây ra, thì phối hợp với thí sinh giải quyết bồi thường (trừ trường hợp Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe đồng thời là Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe).

2.1.4. Thực hiện công việc khác khi Chủ tịch giao.

### 2.2. Quyền hạn

2.2.1. Đề nghị Chủ tịch hoặc Tổ trưởng sát hạch (đối với kỳ sát hạch lái xe hạng A1, A2) không tổ chức sát hạch nếu thiết bị chấm điểm hoạt động không chính xác, xe cơ giới dùng để sát hạch không đảm bảo điều kiện an toàn.

2.2.2. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

## 3. Giám đốc trung tâm sát hạch (Ủy viên)

### 3.1. Nhiệm vụ

3.1.1. Bảo đảm thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành hoạt động chính xác, ổn định; hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch hoạt động ổn định, được kết nối và công khai dữ liệu tại Cục Đường bộ Việt Nam; xe cơ giới dùng để sát hạch đảm bảo điều kiện an toàn, đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận đưa vào sử dụng.

3.1.2. Bố trí tủ đựng đồ cá nhân cho học viên khi tham gia sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình.

3.1.3. Bố trí nhân viên bảo vệ, nhân viên kỹ thuật máy tính tại phòng sát hạch lý thuyết, nhân viên kỹ thuật quản lý thiết bị chấm điểm tự động và lái xe phục vụ trong sân sát hạch.

3.1.4. Giúp Chủ tịch xử lý các khiếu nại của thí sinh liên quan đến hoạt động của thiết bị chấm điểm trong quá trình sát hạch.

3.1.5. Phối hợp với Giám đốc cơ sở đào tạo giải quyết tai nạn xảy ra khi sát hạch thực hành lái xe trong hình; chịu trách nhiệm giải quyết nếu tai nạn xảy ra do xe sát hạch không đảm bảo điều kiện an toàn (trừ trường hợp Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe đồng thời là Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe).

3.1.6. Thực hiện công việc khác khi Chủ tịch giao.

## 3.2. Quyền hạn

3.2.1. Đề nghị Chủ tịch đình chỉ sát hạch nếu phát hiện thấy thí sinh lái xe không an toàn;

3.2.2. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

## 4. Tổ trưởng sát hạch

### 4.1. Nhiệm vụ

4.1.1. Tiếp nhận, quản lý danh sách và hồ sơ thí sinh dự sát hạch từ ban Quản lý sát hạch để giao sát hạch viên theo nhiệm vụ được phân công.

4.1.2. Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch (đối với kỳ sát hạch lái xe hạng A1, A2), phổ biến nội quy, quy trình sát hạch và các quy định cần thiết cho người dự sát hạch.

4.1.3. Giao nhiệm vụ cho sát hạch viên thực hiện các công việc quy định tại mục 1 Phần III Phụ lục này; lập Biên bản phân công nhiệm vụ của tổ sát hạch lái xe theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục này; lập Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục này).

4.1.4. Đôn đốc, kiểm tra sát hạch viên thực hiện nhiệm vụ giao.

4.1.5. Tổng hợp các khiếu nại của thí sinh, biên bản thí sinh vi phạm nội quy, quy chế do các sát hạch viên lập để báo cáo Chủ tịch quyết định.

4.1.6. Kiểm tra các bài sát hạch lý thuyết, biên bản sát hạch, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch để bàn giao cho Ủy viên thư ký; chuẩn bị các nhận xét ưu, khuyết điểm của kỳ sát hạch để báo cáo Chủ tịch.

4.1.7. Thực hiện phúc tra kết quả sát hạch theo yêu cầu của Chủ tịch.

### 4.2. Quyền hạn

4.2.1. Từ chối không tổ chức sát hạch khi thấy thiết bị chấm điểm không chính xác, xe sát hạch không đảm bảo an toàn;

4.2.2. Yêu cầu sát hạch viên lập biên bản, xử lý các trường hợp thí sinh vi phạm nội quy, quy chế theo quyền hạn được giao;

4.2.3. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

## 5. Ủy viên thư ký

### 5.1. Nhiệm vụ

5.1.1. Phối hợp với sát hạch viên lập biên bản thí sinh vi phạm quy chế và giúp Chủ tịch lập biên bản khi sát hạch viên vi phạm quy chế.

5.1.2. Giúp Chủ tịch lập biên bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng và lập Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục này.

5.1.3. Giúp Tổ trưởng lập biên bản phân công nhiệm vụ của tổ sát hạch lái xe.

5.1.4. Kiểm tra các bài sát hạch, biên bản sát hạch, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và tiếp nhận, quản lý hồ sơ do Tổ trưởng sát hạch giao khi kết thúc các nội dung sát hạch.

5.1.5. Gửi các tài liệu của kỳ sát hạch để lưu trữ theo quy định.

## 5.2. Quyền hạn

Yêu cầu Tổ trưởng sát hạch hoàn thiện các bài sát hạch, biên bản sát hạch và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch theo quy định.

## II. Nhiệm vụ, quyền hạn của sát hạch viên

### 1. Nhiệm vụ

1.1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch gồm:

1.1.1. Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có), sân sát hạch hoạt động tốt, kết nối ổn định đến Cục Đường bộ Việt Nam.

1.1.2. Phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có) phải đủ máy tính, máy in và hoạt động tốt, ổn định. Sử dụng phần mềm sát hạch do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.

1.1.3. Phòng chờ sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có) có đủ 02 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình và kết quả sát hạch lý thuyết.

1.1.4. Phòng hội đồng sát hạch có ít nhất 01 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình sát hạch lý thuyết.

1.1.5. Phòng chờ sát hạch lái xe trong hình và trên đường có ít nhất 02 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình sát hạch thực hành lái xe trong hình và trên đường.

1.1.6. Hệ thống loa trên xe sát hạch và loa phóng thanh của trung tâm sát hạch hoạt động tốt, công khai kết quả sát hạch lái xe trong hình.

1.1.7. Xe sát hạch, sân sát hạch không có các dấu vết để chỉ dẫn thí sinh trong quá trình sát hạch.

1.1.8. Thiết bị chấm điểm tự động trong sân sát hạch phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp sát hạch lái xe trong hình chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động phải kiểm tra xe sát hạch và kích thước hình các bài sát hạch theo tiêu chuẩn và quy trình sát hạch lái xe.

1.1.9. Thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch trên đường phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động, camera giám sát, thiết bị chấm điểm trên xe sát hạch trên đường lắp đặt chắc chắn, hoạt động tốt, ổn định, lưu trữ được âm thanh và hình ảnh trong quá trình sát hạch.

1.1.10. Xe sát hạch phải đảm bảo các điều kiện an toàn.

1.1.11. Xe sát hạch trong hình có đủ các giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

1.1.12. Xe sát hạch trên đường có đủ giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, hệ thống phanh phụ hoạt động hiệu quả.

1.1.13. Phương án đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

1.2. Sát hạch lý thuyết: Sát hạch trắc nghiệm trên máy vi tính

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy vi tính.

1.3. Sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

1.4. Sát hạch lái xe trong hình

1.4.1. Sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch (không bố trí sát hạch viên)

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động.

1.4.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp để cấp giấy phép lái xe hạng A3, A4 và các hạng F (trên xe sát hạch không bố trí sát hạch viên)

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp.

1.5. Sát hạch lái xe trên đường hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F (Trên ô tô sát hạch bố trí 01 sát hạch viên)

1.5.1. Sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động tại Phụ lục số 35 ban hành kèm theo Thông tư này.

1.5.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp tại Phụ lục số 35 ban hành kèm theo Thông tư này.

## 2. Quyền hạn

2.1. Từ chối sát hạch nếu thấy trung tâm sát hạch không bảo đảm các điều kiện cần thiết quy định tại điểm 1.1 mục 1 phần III của Phụ lục này.

2.2. Yêu cầu thí sinh xuất trình một trong các giấy tờ: căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với các trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe) để đối chiếu với hồ sơ.

2.3. Lập biên bản những trường hợp thí sinh vi phạm nội quy, quy chế.

2.4. Đình chỉ sát hạch và báo cáo Tổ trưởng các trường hợp thí sinh lái xe lên vỉa hè, không đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch, gây tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.



**Mẫu số 01. Biên bản họp phân công hội đồng kỳ sát hạch lái xe**  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỔ SÁT HẠCH (1)**

....., ngày..... tháng.....năm

**BIÊN BẢN**  
**HỌP PHÂN CÔNG HỘI ĐỒNG KỲ SÁT HẠCH LÁI XE**

Hội đồng sát hạch lái xe ô tô đã họp toàn thể. Thành phần gồm có:

1. Ông (bà)..... - Chức vụ - Chủ tịch,
2. Ông (bà)..... - Chức vụ - Ủy viên,
3. Ông (bà)..... - Chức vụ - Ủy viên,
4. Ông (bà)..... - Ủy viên kiêm Tổ trưởng sát hạch,
5. Ông (bà)..... - Ủy viên thư ký.

Và các sát hạch viên có tên tại Quyết định số ...../QĐ-SGTVT ngày...tháng...năm..... của Sở Giao thông vận tải.

**NỘI DUNG CUỘC HỌP**

1. Chủ tịch đã công bố Quyết định số ...../QĐ-SGTVT ngày...tháng...năm..... của Sở Giao thông vận tải về việc tổ chức kỳ sát hạch, thành lập hội đồng sát hạch, tổ sát hạch và nhắc lại chức năng, nhiệm vụ của hội đồng đã được quy định tại các Điều ... Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và triển khai các nội dung trên tại phần khai mạc kỳ sát hạch.

2. Các thông tin về kỳ sát hạch:

2.1 Số lượng thí sinh:

- Theo hồ sơ được duyệt, tổng số học viên đủ tư cách dự thi là: ..... thí sinh, gồm các hạng:

B1: .....; B2: .....; C: .....; D: .....; E: .....; F: .....

- Sát hạch lại Giấy phép lái xe bị mất, quá hạn tổng số .... lái xe, gồm các hạng:

B1: .....; B2: .....; C: .....; D: .....; E: .....; F: .....

2.2 Thời gian làm việc: theo Quyết định số ...../QĐ-SGTVT ngày...tháng...năm..... của Sở Giao thông vận tải, kỳ sát hạch được tổ chức tại Trung tâm sát hạch lái xe.... thực hiện ngày ..... tháng ..... năm .....

Hội đồng thống nhất thời gian làm việc hàng ngày như sau:

Buổi sáng từ: .....

Buổi chiều từ: .....

Các thành viên Hội đồng nhất trí và ký biên bản./.

**CÁC ỦY VIÊN**

**CHỦ TỊCH**

(1) Trên cơ sở mẫu này Tổ sát hạch căn cứ quy định về tổ chức kỳ sát hạch các hạng A1, A2, A3 và A4 để lập Biên bản họp phân công Tổ sát hạch

**Mẫu số 02. Biên bản phân công nhiệm vụ sát hạch viên**

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỔ SÁT HẠCH (1)**

....., ngày..... tháng.....năm

**BIÊN BẢN**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ SÁT HẠCH VIÊN**

Tổ sát hạch lái xe đã họp toàn thể. Tổ trưởng sát hạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sát hạch viên trong tổ như sau:

**1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết để thực hiện sát hạch:**

- Ông (bà).....: Kiểm tra thiết bị phòng sát hạch lý thuyết.
- Ông (bà).....: Kiểm tra hệ thống Camera đối với phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình, màn hình và hệ thống loa;
- Ông (bà).....: Kiểm tra thiết bị phòng sát hạch Mô phỏng
- Ông (bà).....: kiểm tra thiết bị và ô tô sát hạch lái xe trong hình; kiểm tra thiết bị và ô tô sát hạch lái xe trên đường;
- Ông (bà).....: kiểm tra phương án bảo vệ đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

**2. Thực hiện sát hạch lý thuyết**

- Ông (bà).....

**3. Thực hiện sát hạch Mô phỏng**

- Ông (bà).....

**4. Thực hiện sát hạch trong hình**

- Ông (bà).....

**5. Thực hiện sát hạch lái xe trên đường**

- Ông (bà).....

Các sát hạch viên đã nhất trí với nhiệm vụ do Tổ trưởng phân công và cam kết thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ Giao thông vận tải.

**CÁC SÁT HẠCH VIÊN**

**TỔ TRƯỞNG TỔ SÁT HẠCH**

(1) Trên cơ sở mẫu này Tổ sát hạch căn cứ quy định về điều kiện cần thiết để tổ chức kỳ sát hạch các hạng A1, A2, A3 và A4 để lập Biên bản họp phân công nhiệm vụ Tổ sát hạch

**Mẫu số 03. Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch**

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỔ SÁT HẠCH (1)**

....., ngày..... tháng.....năm

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ SÁT HẠCH**

Căn cứ Điều 24 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (được sửa đổi, bổ sung tại ... Thông tư số .../.../TT-BGTVT ngày .../.../...).

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-SGTVT ngày .... tháng ..... năm .... của Giám đốc Sở Giao thông vận tải về việc tổ chức kỳ sát hạch của .....

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại trung tâm sát hạch lái xe ....., chúng tôi gồm:

**1. Tổ sát hạch lái xe**

Ông (bà).....

**2. Đại diện Trung tâm sát hạch lái xe**

Ông (bà).....; Chức vụ:

Đã cùng nhau kiểm tra trang thiết bị, xe sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe ..... và thống nhất như sau:

- + Thiết bị sát hạch tại phòng lý thuyết:.....
- + Thiết bị sát hạch tại phòng Mô phỏng: .....
- + Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: .....
- + Thiết bị sát hạch thực hành lái xe 2km đường trường: .....
- + Xe sát hạch và thiết bị báo lỗi trên xe: .....
- + Hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình: .....

**CÁC SÁT HẠCH VIÊN**

**TỔ TRƯỞNG  
TỔ SÁT HẠCH**

**GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM SHLX**

(1) Trên cơ sở mẫu này Tổ sát hạch căn cứ quy định về điều kiện cần thiết để tổ chức kỳ sát hạch các hạng A1, A2, A3 và A4 để lập Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch.

**Mẫu số 04. Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch**

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỔ SÁT HẠCH**

..., ngày..... tháng.....năm

**BIÊN BẢN**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH**

Ngày ... tháng ....năm..., vào hồi 17 giờ 30', tại Trung tâm sát hạch lái xe ..... Hội đồng sát hạch lái xe ô tô cho học viên các khóa.....của cơ sở đào tạo....., được thành lập theo Quyết định số ...../QĐ-SGTVT ngày ..... của Giám đốc Sở Giao thông vận tải, đã họp toàn thể để xét công nhận kết quả kỳ sát hạch. Thành phần gồm có:

1. Chủ tịch: Ông (bà) .....- Chức vụ...
2. Ủy viên: Ông (bà) .....- Chức vụ...
3. Ủy viên: Ông (bà) .....- Chức vụ...
4. Ủy viên kiêm Tổ trưởng sát hạch: Ông (bà) .....- Chức vụ...
5. Ủy viên thư ký: Ông (bà) .....- Chức vụ...

**NỘI DUNG CUỘC HỌP**

I. Thông qua kết quả kỳ sát hạch:

1. Tổng số hồ sơ đăng ký dự thi:.....

Tổng số hồ sơ dự thi:..... Vắng không dự thi:..... (có danh sách kèm theo)

a) Học sinh thuộc cơ sở đào tạo:

Hạng GPLX	Tổng số hồ sơ	Tổng số dự thi	Thi Lý thuyết			Mô phỏng các tình huống giao thông			Thực hành trong hình			Thực hành trên đường giao thông			Kết quả đạt
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	
B1															
B2															
C															
D															
E															
F...															
Cộng															

Ghi chú:

- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung Mô phỏng, trong hình, đường trường:.....;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung trong hình, đường trường :.....;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung đường trường :.....;

....

b) Thí sinh thuộc đối tượng cấp lại giấy phép lái xe:

Hạng GPLX	Tổng số hồ sơ	Tổng số dự thi	Thi Lý thuyết			Mô phỏng các tình huống giao thông			Thực hành trong hình			Thực hành trên đường giao thông			Kết quả đạt
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	
B1															
B2															
C															
D															
E															
F...															
Cộng															

Ghi chú:

- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung Mô phỏng, trong hình, đường trường:.....;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung trong hình, đường trường :.....;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung đường trường :.....;

....

II. Nhận xét kỳ sát hạch:

III. Tổng hợp số thu phí sát hạch và lệ phí cấp GPLX

TT	Nội dung	Số lượng	Số tiền/1 thí sinh	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Phí Sát hạch lái xe</b>			
1	Lý thuyết			
2	Mô phỏng các tình huống giao thông			
3	Thực hành trong hình			
4	Thực hành trên đường giao thông			
<b>II</b>	<b>Lệ phí cấp GPLX</b>			
	Tổng cộng (I + II)			

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO  
TẠO

CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN  
(Giám đốc TTSH)

TỔ TRƯỞNG TỔ SÁT HẠCH

ỦY VIÊN THƯ KÝ

- (1) Trên cơ sở mẫu này Tổ sát hạch căn cứ kết quả kỳ sát hạch các hạng A1, A2, A3 và A4 để lập Biên bản tổng hợp kỳ sát hạch.



## Phụ lục XXX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

## Phụ lục 40

# QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO LÁI XE THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN

### I. Chương trình, giáo trình đào tạo

1. Chương trình, giáo trình đào tạo lái xe theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn được cơ sở đào tạo điều chỉnh cho phù hợp với năng lực của người học, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo và do người đứng đầu cơ sở đào tạo nghề nghiệp quyết định.

2. Chương trình, giáo trình đào tạo lái xe theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn do người đứng đầu cơ sở đào tạo nghề nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt, sử dụng áp dụng theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

3. Chương trình đào tạo đã được phê duyệt phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

### II. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải có nội dung bám sát mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, có tính sư phạm cao, dễ dùng, đáp ứng được nhu cầu tự học của người học.

2. Học liệu phục vụ các môn học đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải được chuẩn bị đầy đủ và ở trạng thái sẵn sàng trước khi tổ chức đào tạo.

3. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn do các cơ sở đào tạo tự thiết kế, sản xuất, thuê, mua ngoài hoặc sử dụng từ các nguồn hợp pháp khác, đảm bảo các quy định về sở hữu trí tuệ.

### III. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn bao gồm: hệ thống quản lý học tập và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

2. Hệ thống quản lý học tập:

a) Công thông tin: Để công bố, giới thiệu các nội dung về chương trình đào tạo; thông tin tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh;

b) Phân hệ học tập: Để người học truy cập vào các nội dung học tập từ xa và có thể tự học tập, tự đánh giá, nắm bắt được tiến trình, kết quả học tập của bản thân;

c) Phân hệ giảng dạy: Để giáo viên quản lý học liệu đào tạo từ xa, thiết lập quy luật học, trả bài; theo dõi, tương tác, trợ giúp, hướng dẫn người học; xác thực và kiểm soát quá trình học của học viên; quản lý học viên, lớp học;

d) Phân hệ lớp học trực tuyến: Để tổ chức các lớp học trực tuyến theo thời gian thực;

đ) Ứng dụng trên thiết bị di động: Để thực hiện giảng dạy, học tập dễ dàng, thuận tiện trên các thiết bị di động;

e) Phân hệ báo cáo: Để trích xuất được các thông tin của quá trình đào tạo và các hoạt động của người dạy, người học;

g) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ hỗ trợ, cán bộ quản lý hệ thống để tổ chức đào tạo và quản trị vận hành hệ thống.

### 3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng phải có đủ băng thông, năng lực đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng; phải duy trì tối thiểu hai hệ thống hạ tầng kỹ thuật để dự phòng lẫn nhau.

Trường hợp thuê ngoài hay hợp tác các đơn vị cung cấp giải pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải đáp ứng các yêu cầu về hệ thống máy chủ, bảo mật, hạ tầng lưu trữ và an toàn dữ liệu theo quy định của pháp luật.

## IV. Tổ chức đào tạo

1. Cơ sở đào tạo chỉ được đào tạo nội dung Lý thuyết theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn sau khi có Báo cáo đăng ký thực hiện chương trình đào tạo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục này, gửi Sở Giao thông vận tải và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, quản lý.

2. Quá trình tổ chức đào tạo phải đảm bảo sự tương tác giữa người dạy và người học, giữa người học với người học thể hiện ở việc tham dự các buổi học, buổi hướng dẫn, thảo luận; hoàn thành việc học tập các nội dung từ các học liệu chính, học liệu bổ trợ; thực hiện các bài tập, đánh giá; phản hồi với người dạy về những nội dung giảng dạy.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát và đánh giá mức độ chuyên cần của người học.

## V. Cơ sở đào tạo nghề nghiệp

1. Xây dựng, ban hành quy chế về đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở, cơ sở đào tạo, trong thông báo tuyển sinh và đăng trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo để tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức đào tạo nội dung lý thuyết theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định tại Thông tư này.

## VI. Biểu mẫu

<b>Mẫu số 01</b>	<b>Báo cáo đăng ký thực hiện Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn</b>
------------------	---

**Mẫu số 01. Báo cáo đăng ký thực hiện Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO**  
**ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở đào tạo : .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: .....Fax: .....
- Website: ....., Email: .....
- Giấy phép đào tạo lái xe số: ....., ngày, tháng, năm cấp (*kèm theo bản photo*): .....

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO**

TT	Hạng GPLX	Kết quả tuyển sinh trong 03 năm liên tục trước năm báo cáo tuyển sinh đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn	Số học sinh đã tốt nghiệp (tính sau 3 tháng sau khi tốt nghiệp)
1	Hạng B1		
2	Hạng B2		
3	Hạng C		
...	...		

**III. DỰ KIẾN ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

TT	Hạng GPLX	Lưu lượng tuyển sinh	Ghi chú
1			
2			
3			
...			



## **IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ĐỂ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

### **1. Chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo**

- Chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu hướng dẫn (có các bản mềm kèm theo).
- Học liệu đào tạo bao gồm: học liệu chính, học liệu bổ trợ; các phần mềm, băng đĩa, video, sách, các phần mềm mô phỏng.

### **2. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn**

#### **2.1. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

- Hệ thống máy chủ; đường truyền (dung lượng).
- Địa điểm đặt trạm đào tạo (nếu có).
- Hạ tầng cơ sở đảm bảo (ít nhất phải có 2 hệ thống hạ tầng kỹ thuật để dự phòng lẫn nhau).

#### **2.2. Hệ thống quản lý học tập**

- Cổng thông tin.
- Phân hệ học tập, giảng dạy, tổ chức lớp học, tổ chức thi, báo cáo.
- Phần mềm ứng dụng trên thiết bị di động.
- Ứng dụng quản lý quá trình học tập, chế độ báo cáo, lưu trữ, trích xuất dữ liệu.
- Phương thức tổ chức thực hiện (tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, quản lý học viên...).

### **3. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, quản trị hệ thống**

- Đội ngũ nhà giáo, người hướng dẫn.
- Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật.
- Cán bộ quản lý, quản trị hệ thống.

### **4. Quy chế đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn (gửi kèm theo)**

## **V. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

#### ***Nơi nhận:***

- Sở GTVT (để báo cáo);
- Sở LĐ, TB & XH (để báo cáo);
- Lưu VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**Phụ lục XXXI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 2**

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI  
THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY  
CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: .....
  2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
  3. Số CCCD hoặc CMND: .....
  4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
  5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
  6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
  7. Số CCCD hoặc CMND: .....
  8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
  9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
  10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 14. Công suất: .....(kW).....
  11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
  12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
  13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: ..... (kg)
  18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....  
Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày ...tháng...năm.....  
Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....  
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.  
Đề nghị..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biên số:.....Ngày cấp.....Số đăng ký quản lý.....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biên số ngày .../...../ .....

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.....

**Cán bộ làm thủ tục***(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)**\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:**- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;**- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: .....
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND: .....
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 14. Công suất: .....(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: ..... (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.  
Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

Số biển số cũ (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp .....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

- \*Ghi chú:*
- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;
  - Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
  - Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: .....
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND: .....
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 14. Công suất: .....(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: ..... (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Biên số đề nghị cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**TỜ KHAI**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: .....
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND: .....
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 14. Công suất: .....(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: ..... (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số đăng ký tạm thời:..... cấp ngày... tháng.....năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:



- *Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;*
- *Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY**  
**CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: .....
  2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
  3. Số CCCD hoặc CMND: .....
  4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
  5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
  6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
  7. Số CCCD hoặc CMND: .....
  8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
  9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
  10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 14. Công suất: .....(kW).....
  11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
  12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
  13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: ..... (kg)
  18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....Do Sở Giao thông vận tải ..... cấp ngày .....tháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, số biển số cũ:.....

..... ngày.....tháng.....năm .....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

- \* Ghi chú: - Tờ khai lập thành 03 bản:  
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.  
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: .....
  2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
  3. Số CCCD hoặc CMND: .....
  4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
  5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
  6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
  7. Số CCCD hoặc CMND: .....
  8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
  9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
  10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 14. Công suất: .....(kW).....
  11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
  12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
  13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: ..... (kg)
  18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Biển số đăng ký:.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải .....để được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm .....

**Chủ phương tiện**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:**

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:.....  
đến Sở Giao thông vận tải:.....

....., ngày.....tháng.....năm .....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;

- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

Tên Sở Giao thông vận tải di  
chuyển đi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số:...../DC-XMCD ..... ngày.....tháng.....năm .....

### PHIẾU DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: .....
  2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
  3. Số CCCD hoặc CMND: .....
  4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
  5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
  6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
  7. Số CCCD hoặc CMND: .....
  8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): .....; ngày cấp: .....; Nơi cấp:.....
  9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
  10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 14. Công suất: .....(kW).....
  11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
  12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
  13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: ..... (kg)
  18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Biển số đăng ký:.....đã được Sở Giao thông vận tải cấp..... ngày ...../...../.....

Nay di chuyển đến Sở Giao thông vận tải.....để làm thủ tục cấp đăng ký cho chủ phương tiện.

Các loại giấy tờ kèm theo hồ sơ, bao gồm:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					
...					

..... ngày.....tháng.....năm .....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Phiếu này được lập thành 03 bản:  
- Gửi Cục Đường bộ Việt Nam 01 bản;

- *Gửi Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đến 01 bản;*
- *Lưu tại Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đi 01 bản*